

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
VIỆN DÂN SỐ VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI
PGS.TS. LƯU BÍCH NGỌC - PGS.TS. NGUYỄN THỊ THIÈNG

TIÊU DÙNG RƯỢU BIA Ở VIỆT NAM
Một số kết quả Điều tra quốc gia

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
2018

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam hiện được đánh giá là quốc gia được ước tính có mức tiêu thụ rượu bia cao ở Đông Nam Á, xếp thứ hai sau Thái Lan. Người Việt Nam đã tiêu dùng lượng rượu bia như thế nào trong một ngày hay trong một năm? Người Việt Nam thường uống những loại rượu bia nào? Đó là những loại rượu bia có đăng ký nhãn mác hay rượu bia không có nhãn mác? Tỷ trọng các loại rượu bia không có nhãn mác được tiêu thụ hiện chiếm bao nhiêu phần trăm trong ước lượng về tổng lượng đồ uống có cồn đã uống trong năm? Đây là những câu hỏi mà các nhà hoạch định chính sách và các nhà nghiên cứu rất quan tâm. Dưới sự tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật của IARD (International Alliance for Responsible Drinking - Liên minh quốc tế về Uống có trách nhiệm), Điều tra khảo sát quốc gia về sử dụng rượu bia ở Việt Nam (SURA Việt Nam) đã được thực hiện vào năm 2015 ở 12 tỉnh và thành phố đại diện cho 6 vùng kinh tế - xã hội với tổng mẫu điều tra là 5.200 hộ gia đình. Tại mỗi hộ, một bảng hỏi phỏng vấn cá nhân được thực hiện với một thành viên của hộ gia đình tuổi từ 15-80, có ngày sinh nhật gần nhất với thời điểm điều tra.

Kết quả điều tra cho thấy gần 60% tổng số người được điều tra cho biết họ hiện đang sử dụng rượu bia, trong đó tỷ lệ tương ứng ở nam giới và phụ nữ là 86,8% và 31,6%. Trong số những người hiện đang sử dụng rượu bia, có tới 80% sử dụng rượu nấu thủ công (85,6% ở nam giới và 51,5% ở phụ nữ). Tỷ lệ người uống bia chiếm 68,9% (67,3% nam giới và

76,4% phụ nữ). Tỷ lệ người uống rượu bia nhập lậu hay rượu giả/nhái chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ (1,5-2,5% tổng số người đang sử dụng rượu bia trong năm điều tra).

Các phân tích số liệu đã cho thấy, trung bình mỗi nam giới ở thành thị đã uống 13,5 lít rượu nấu thủ công, 59 lít bia trong 12 tháng đã qua, trong khi đó con số này đối với nam giới nông thôn tương ứng là 13,1 lít và 33,2 lít. Có tới gần 10% số người hiện sử dụng rượu bia trong 12 tháng qua đã uống bằng hoặc nhiều hơn 6g cồn nguyên chất/một ngày, tỷ lệ này ở nam là 11% và ở nữ chỉ có 2,2%. Nếu ước tính lượng rượu bia tiêu dùng trong 12 tháng qua bằng lít 100% độ cồn, bình quân mỗi người hiện đang sử dụng rượu đã uống 2,4 lít đồ uống 100% độ cồn có nhãn mác và 6,4 lít đồ uống 100% độ cồn không nhãn mác, tức là lượng đồ uống có cồn không nhãn mác không được kiểm soát cao gần gấp 3 lần lượng đồ uống có cồn có nhãn mác được kiểm soát.

Trong số những người hiện đang sử dụng rượu bia, số người chỉ uống rượu bia có nhãn mác chiếm 21,5%, số người chỉ uống rượu bia không nhãn mác chiếm 29,6% và số người uống cả hai loại rượu bia có nhãn mác và không có nhãn mác là 49,8%. Phân tích theo tỉnh cho thấy sự khác biệt tương đối lớn trong sử dụng rượu bia có nhãn mác với rượu bia không có nhãn mác. Trong 12 tỉnh khảo sát, mức chênh lệch cao nhất giữa lượng rượu bia không nhãn mác và lượng rượu bia có nhãn mác là ở Bến Tre (gấp gần 9 lần).

Một số kết quả nghiên cứu nêu trên đã cung cấp cơ sở khoa học cho các nhà hoạch định chính sách về quản lý sử dụng rượu bia ở Việt Nam hiệu quả hơn, cũng như các nhà sản xuất rượu bia xây dựng các chiến lược sản xuất rượu bia phù hợp hơn. Dưới góc độ các vấn đề xã hội, việc sử dụng rượu bia có thể ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất, sức khỏe tâm thần, tai nạn giao thông hay bạo lực gia đình... Kết quả của nghiên cứu này sẽ

giúp cung cấp “bức tranh” rõ nét hơn về mức độ và phương thức sử dụng rượu bia của người dân trong cộng đồng. Từ đó, các can thiệp hữu hiệu cần được xây dựng để làm giảm tác hại của việc sử dụng rượu bia.

Nhóm nghiên cứu hân hạnh được giới thiệu tới quý độc giả cuốn Chuyên khảo “Tiêu dùng rượu bia ở Việt Nam: Một số kết quả Điều tra quốc gia”. Chuyên khảo đưa ra các phát hiện chủ yếu về việc tiêu dùng rượu bia của người dân Việt Nam trong cộng đồng thu được từ Điều tra SURA Việt Nam.

NHÓM TÁC GIẢ

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi trân trọng cảm ơn IARD (International Alliance for Responsible Drinking - Liên minh quốc tế về Uống có trách nhiệm) đã hỗ trợ kỹ thuật và tài chính giúp cho cuộc Điều tra về Sử dụng Rượu bia (SURA Việt Nam) lần đầu tiên được thực hiện ở Việt Nam năm 2015. Thiếu sự trợ giúp quan trọng này, chắc chắn nghiên cứu này đã không thể triển khai.

Chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn tới các chuyên gia, các nhà nghiên cứu đến từ Viện Dân số và các vấn đề xã hội, Trường đại học Kinh tế quốc dân; từ một số viện nghiên cứu của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và một số cơ quan khác cùng với toàn thể 60 nghiên cứu viên, cộng tác viên đã nhiệt tình tham gia vào cuộc Điều tra, thực hiện nhiệm vụ tổ chức thu thập dữ liệu tại cộng đồng.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các cơ quan Dân số tuyến tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường của 12 tỉnh, thành phố được lựa chọn làm địa bàn điều tra. Các cơ quan địa phương đã cho phép chúng tôi triển khai nghiên cứu tại địa bàn cũng như đã hỗ trợ chúng tôi rất nhiều trong quá trình tổ chức, triển khai thu thập dữ liệu tại các hộ gia đình.

Cuộc Điều tra sẽ không thành công nếu không có sự hợp tác và đồng ý tham gia vào nghiên cứu của 5.200 hộ gia đình ở 12 tỉnh, thành phố trong cả nước. Mỗi người đại diện của một hộ gia đình đã dành thời gian quý báu của họ để trả lời bảng hỏi phỏng vấn với rất nhiều nội dung. Chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn tới tất cả các hộ gia đình là đối tượng điều tra trong nghiên cứu này!

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu	3
Lời cảm ơn	7
Danh mục bảng	10
Danh mục hình	12
Phần 1: BỐI CẢNH VÀ THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU	13
1. Bối cảnh nghiên cứu	13
2. Mục tiêu nghiên cứu	14
3. Phương pháp nghiên cứu	14
3.1. Đối tượng thu thập thông tin	14
3.2. Quy mô mẫu và phương pháp chọn mẫu	15
3.3. Đơn vị nghiên cứu và đối tượng thu thông tin	20
4. Hạn chế nghiên cứu	20
5. Đánh giá chất lượng dữ liệu	21
6. Đạo đức nghiên cứu	22
Phần 2: CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH	23
1. Tình trạng sử dụng rượu bia trong dân số	23
1.1. Tình trạng sử dụng rượu bia theo giới tính	23
1.2. Tình trạng sử dụng rượu bia theo độ tuổi	24
1.3. Tình trạng sử dụng rượu bia theo vùng nông thôn - thành thị	25
1.4. Tình trạng sử dụng rượu bia theo trình độ học vấn	27
1.5. Tình trạng sử dụng rượu bia theo nghề nghiệp	28
1.6. Tình trạng sử dụng rượu bia theo thu nhập	29

2. Các loại rượu bia được ưa thích sử dụng	30
3. Lượng rượu bia uống trung bình hàng ngày	34
3.1. Lượng rượu bia uống trung bình hàng ngày phân theo độ tuổi	34
3.2. Lượng rượu bia uống trung bình hàng ngày phân theo giới tính	36
3.3. Lượng rượu bia uống trung bình hàng ngày phân theo nông thôn - thành thị	37
4. Mức độ uống rượu bia trung bình hàng ngày	39
4.1. Mức độ uống trung bình hàng ngày phân theo độ tuổi	39
4.2. Mức độ uống trung bình hàng ngày phân theo giới tính	41
4.3. Mức độ uống trung bình hàng ngày phân theo nông thôn - thành thị	41
5. Tiêu dùng rượu bia nhãn mác và không nhãn mác	42
5.1. Lượng rượu bia trung bình có nhãn mác và không nhãn mác đã tiêu dùng	42
5.2. Phân bố tỷ lệ các loại rượu bia có nhãn mác và không nhãn mác đã tiêu dùng	45
6. Lý do sử dụng rượu bia không nhãn mác	46
7. Ảnh hưởng của sức khỏe cảm nhận tới sử dụng rượu bia	48
Kết luận và hàm ý chính sách	53

DANH MỤC BẢNG

	<i>Trang</i>
Bảng 1: Phân bố quy mô mẫu điều tra tại 6 vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam	16
Bảng 2: Quy mô mẫu của từng tỉnh/thành phố được điều tra	16
Bảng 3: Phân bố mẫu điều tra ở từng huyện/quận, từng xã/phường và từng địa bàn điều tra của các tỉnh/thành phố	18
Bảng 4: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo tình trạng sử dụng rượu bia	24
Bảng 5: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát sử dụng hoặc không sử dụng rượu bia theo tỉnh/thành phố	26
Bảng 6: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát hiện đang sử dụng rượu bia phân theo các loại rượu bia được ưa thích tiêu dùng	31
Bảng 7: Phân bố tỷ lệ (%) người hiện đang sử dụng rượu bia cho biết cách thức sử dụng các loại rượu bia của họ	32
Bảng 8: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo lượng uống trung bình hàng ngày và theo nhóm tuổi	35
Bảng 9: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo lượng uống trung bình hàng ngày và theo giới tính	37
Bảng 10: Phân bố (%) người được khảo sát theo lượng uống trung bình ngày và theo thành thị - nông thôn	38
Bảng 11: Phân bố tỷ lệ (%) người hiện đang sử dụng rượu bia theo mức độ uống và theo nhóm tuổi	40
Bảng 12: Phân bố tỷ lệ (%) người hiện đang sử dụng rượu bia theo mức độ uống và theo giới tính	41

DANH MỤC BẢNG - DANH MỤC HÌNH

Bảng 13: Phân bố tỷ lệ (%) người hiện đang sử dụng rượu bia theo mức độ uống và theo khu vực thành thị - nông thôn	42
Bảng 14: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo tình trạng sử dụng rượu bia và tình trạng sức khỏe tự cảm nhận	50
Bảng 15: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo tình trạng sử dụng rượu bia và tình trạng sức khỏe tinh thần tự cảm nhận	51

DANH MỤC HÌNH

	<i>Trang</i>
Hình 1: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát cho biết đã từng uống rượu bia và phân theo giới tính	23
Hình 2: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát cho biết đã từng uống rượu bia phân theo vùng, khu vực thành thị - nông thôn	25
Hình 3: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát cho biết đã từng sử dụng rượu bia phân theo trình độ học vấn	28
Hình 4: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát cho biết đã từng uống rượu bia phân theo nghề nghiệp	29
Hình 5: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát cho biết đã từng sử dụng rượu bia phân theo thu nhập hộ gia đình	30
Hình 6: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo loại rượu bia tiêu dùng nhiều nhất trong 12 tháng qua, phân theo giới tính	33
Hình 7: Lượng rượu tiêu dùng trung bình của một người tính theo lít 100% nồng độ cồn phân theo loại rượu bia (có nhãn mác và không có nhãn mác)	43
Hình 8: Phân bố tỷ lệ (%) lượng rượu đã tiêu dùng tính bằng lít 100% nồng độ cồn phân theo loại rượu bia (có nhãn mác và không nhãn mác) và theo địa phương	45
Hình 9: Phân bố tỷ lệ (%) người uống rượu cho biết lý do uống rượu nấu thủ công không có nhãn mác của các hộ gia đình	47

Phần I

BỐI CẢNH VÀ THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU

1. Bối cảnh nghiên cứu

Sử dụng rượu bia là một thói quen mang đậm nét văn hoá truyền thống tại nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Sử dụng rượu bia với mức độ hợp lý có thể đem lại cho con người cảm giác hưng phấn, khoan khoái, lưu thông huyết mạch... Song rượu bia lại là chất kích thích, gây nghiện vì vậy người sử dụng rất dễ bị lệ thuộc với mức độ dung nạp ngày càng nhiều dẫn đến tình trạng lạm dụng rượu bia. Lạm dụng rượu bia gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho sức khoẻ cộng đồng và trật tự an toàn xã hội.

Ở Việt Nam, quá trình đổi mới và phát triển nền kinh tế trong những năm qua đã giúp cho đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Xu hướng sử dụng rượu bia và các loại đồ uống có cồn khác trong sinh hoạt hàng ngày, trong những dịp lễ, hội, trong quan hệ công việc... đang ngày càng gia tăng. Tình trạng sản xuất rượu bia tự nấu và sử dụng rượu bia ở mức độ lạm dụng ở một số nơi đã làm cho trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông trở thành những vấn đề đáng báo động.

Được sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính từ Liên minh quốc tế về Uống có trách nhiệm (IARD), nhóm chuyên gia nghiên cứu của Viện Dân số và

các vấn đề xã hội, Trường đại học Kinh tế quốc dân đã chủ trì thực hiện một điều tra nghiên cứu về **“Tình hình tiêu dùng rượu bia ở Việt Nam” (gọi tắt là SURA Việt Nam)**. Trên cơ sở các kết quả thu được, các phát hiện đã tạo dựng các dẫn chứng tin cậy để phục vụ công tác tuyên truyền vận động chính sách về giảm thiểu tác hại của việc sử dụng rượu bia.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện với các mục tiêu cơ bản, như:

- Xác định các dạng thức tiêu thụ và thói quen sử dụng rượu trong cộng đồng dân cư ở các vùng kinh tế - xã hội khác nhau của Việt Nam.

- So sánh cấp độ khác biệt về mức độ sử dụng rượu nấu thủ công (không nhãn mác thương mại) với mức độ sử dụng rượu được sản xuất theo phương thức công nghiệp (có nhãn mác thương mại) trong cộng đồng dân cư.

- Tạo dựng các dẫn chứng tin cậy để phục vụ công tác tuyên truyền vận động chính sách về giảm thiểu tác hại của việc sử dụng rượu bia.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng thu thập thông tin

Đơn vị thu thập thông tin là các hộ gia đình sinh sống tại các địa bàn điều tra được chọn mẫu ở 12 tỉnh, thành phố của Việt Nam, là người Việt Nam. Tất cả các thành viên trong hộ gia đình được lựa chọn sẽ được thu thập thông tin trong phần thông tin về hộ gia đình.

Trong một hộ gia đình, người trả lời phỏng vấn phiếu cá nhân là người từ 15 tuổi trở lên, đủ sức khỏe, đủ năng lực hành vi, nói tiếng Việt và có ngày sinh nhật sắp tới gần nhất với ngày điều tra. Mỗi hộ chỉ chọn duy nhất 01 người để phỏng vấn phiếu cá nhân. Đây là người thường xuyên

sinh sống trong hộ (sống liên tục ít nhất từ 1 tháng trở lên). Để có thể thu được thông tin có chất lượng, nghiên cứu này chỉ thực hiện phỏng vấn người từ 15 đến 80 tuổi.

3.2. Quy mô mẫu và phương pháp chọn mẫu

Cuộc điều tra về rượu bia ở Việt Nam là một điều tra quốc gia với mẫu điều tra được chọn ngẫu nhiên, mang tính đại diện theo vùng miền. Việt Nam có 6 vùng kinh tế - xã hội, mỗi vùng hai tỉnh, thành phố đại diện được lựa chọn. Tổng số có 12 tỉnh, thành phố được điều tra. Trong mỗi tỉnh/thành phố, 3 quận/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh đã được lựa chọn, tổng số có 36 quận/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh đã được điều tra. Tại mỗi quận/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh, 2 xã/phường/thị trấn được chọn, tổng số có 72 xã/phường/thị trấn đã được điều tra.

Dựa theo công thức tính mẫu đại diện trong tổng thể dân số và có so sánh với quy mô mẫu ở các quốc gia có cùng điều tra này, 5.200 hộ gia đình là quy mô mẫu được xác định cho điều tra này ở Việt Nam. Chọn mẫu được thực hiện theo nguyên tắc chọn nhiều tầng và phân bố mẫu ở cấp độ vùng được thực hiện theo phương pháp PPS (tỷ lệ thuận theo quy mô dân số của vùng) để xác định các tỉnh/thành phố được điều tra. Với phương pháp này, kết quả có ý nghĩa thống kê đại diện đến cấp độ vùng. Cụ thể các bước chọn mẫu được thực hiện như sau:

Bước 1: Xác định quy mô mẫu cho mỗi vùng

Số lượng mẫu của mỗi vùng được tính tỷ lệ thuận với dân số của vùng đó tại thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2012 (Bảng 1).

Bảng 1: Phân bố quy mô mẫu điều tra tại 6 vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam

Vùng địa lý	Quy mô dân số (Người)	Quy mô mẫu (Người)
Đồng bằng sông Hồng	20.439.400	1.185
Trung du và miền núi phía Bắc	11.508.100	667
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	19.362.500	1.122
Tây Nguyên	5.460.400	317
Đông Nam Bộ	15.459.600	896
Đồng bằng sông Cửu Long	17.478.900	1.019
Cả nước	89.708.900	5.206

Bước 2: Xác định quy mô mẫu của mỗi tỉnh

Tại mỗi vùng, 2 tỉnh/thành phố được lựa chọn gồm 1 tỉnh/thành phố thuộc nhóm trên mức thu nhập trung bình, 1 tỉnh thuộc nhóm dưới thu nhập trung bình. Số liệu về mức thu nhập bình quân đầu người của năm 2013 của các tỉnh/thành phố được thu thập để làm căn cứ xác định mẫu điều tra cấp tỉnh.

Bảng 2: Quy mô mẫu của từng tỉnh/thành phố được điều tra

STT	Tỉnh	Mẫu trung bình (Người)	Dân số (Người)	Mẫu điều chỉnh (Người)	Mẫu thực hiện (Người)
1.	Hà Nội	592	6.940.000	700	700
2.	Nam Định	592	1.840.000	500	500
3.	Lào Cai	334	657.000	350	350
4.	Bắc Giang	334	1.567.557	400	400
5.	Nghệ An	561	2.979.000	600	600

Phần 1. Bối cảnh và thiết kế nghiên cứu

STT	Tỉnh	Mẫu trung bình (Người)	Dân số (Người)	Mẫu điều chỉnh (Người)	Mẫu thực hiện (Người)
6.	Khánh Hòa	561	1.193.000	400	400
7.	Đắk Lắk	158	1.246.000	170	170
8.	Gia Lai	158	1.360.000	180	180
9.	Bình Dương	448	1.802.000	500	500
10.	Tây Ninh	448	1.096.000	400	400
11.	Cần Thơ	509	1.222.000	500	500
12.	Bến Tre	509	1.262.000	500	500
	Tổng mẫu	5.206	22.291.657	5.200	5.200

Trung vị của mức thu nhập bình quân được xác định làm mốc phân nhóm tỉnh/thành phố có thu nhập cao và nhóm tỉnh/thành phố có thu nhập thấp trong mỗi vùng. Trong mỗi nhóm, tỉnh/thành phố được chọn là tỉnh/thành phố có mức thu nhập bình quân đầu người tiệm cận với mức thu nhập bình quân đầu người trung bình của nhóm tỉnh/thành phố đó. Quy mô mẫu trong mỗi tỉnh/thành phố sẽ được phân bổ có tính đến quy mô dân số của mỗi tỉnh/thành phố song không tỷ lệ theo quy mô dân số của mỗi tỉnh/thành phố (Bảng 2).

Bước 3: Tính số lượng mẫu cho từng huyện

Mỗi tỉnh chọn 1 thị xã/quận và 2 huyện nông thôn.

Số lượng mẫu cho từng thị xã/quận và huyện = 1/3 số lượng mẫu của từng tỉnh.

Bước 4: Tính cỡ mẫu cho một xã/phường

Mỗi thị xã/quận hoặc huyện sẽ chọn 2 phường hoặc 2 xã.

Số lượng mẫu của một phường/xã = 1/2 số lượng mẫu của thị xã hoặc huyện.

Bước 5: Tính cỡ mẫu cho từng khu vực điều tra (thôn/ấp/tổ dân phố)

Tại mỗi phường/xã, chọn từ 1 đến 3 địa bàn điều tra (thôn/ấp/tổ dân phố) tùy theo số lượng mẫu.

Bảng 3: Phân bố mẫu điều tra ở từng huyện/quận, từng xã/phường và từng địa bàn điều tra của các tỉnh/thành phố

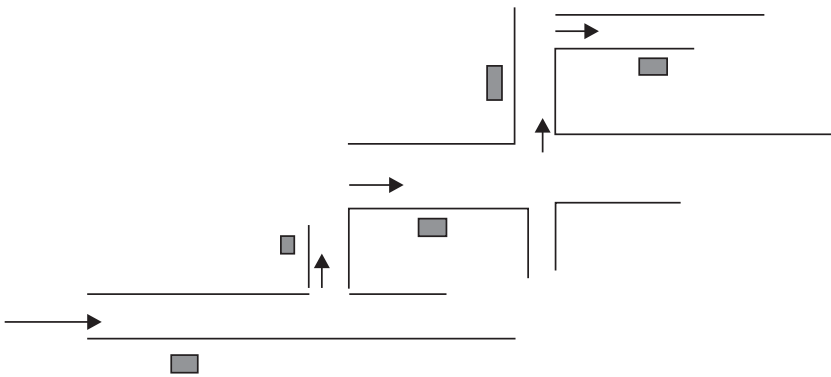
STT	Tỉnh	Cỡ mẫu tỉnh (Phiếu)	Cỡ mẫu quận/ huyện (Phiếu)	Cỡ mẫu phường/ xã (Phiếu)	Cỡ mẫu một địa bàn điều tra (Phiếu)	Số địa bàn điều tra (Địa bàn)
1.	Hà Nội	700	233	117	39	3
2.	Nam Định	500	167	83	28	3
3.	Lào Cai	350	117	58	29	2
4.	Bắc Giang	400	133	67	34	2
5.	Nghệ An	600	200	100	33	3
6.	Khánh Hòa	400	133	67	34	2
7.	Đắk Lắk	170	57	28	28	1
8.	Gia Lai	180	60	30	30	1
9.	Bình Dương	500	167	83	28	3
10.	Tây Ninh	400	133	67	34	2
11.	Cần Thơ	500	167	83	28	3
12.	Bến Tre	500	167	83	28	3
Tổng mẫu		5.200				

Bước 6: Chọn hộ gia đình phỏng vấn và thực hiện phỏng vấn

Hộ gia đình được lựa chọn ngẫu nhiên theo phương pháp “Đi bộ chọn hộ”, cụ thể như sau:

Phần 1. Bối cảnh và thiết kế nghiên cứu

Thông thường, mỗi xã ở miền Bắc có khoảng 4-5 thôn, mỗi xã ở miền Trung có khoảng 7-10 thôn, mỗi xã ở miền Nam có trên 10 ấp. Chọn ngẫu nhiên 4-5 thôn/ấp (bằng cách tung xúc xắc). Như vậy, mỗi thôn/ấp sẽ có từ 20-25 hộ gia đình được điều tra. Các hộ gia đình này được lựa chọn theo phương pháp đi bộ chọn hộ tại mỗi thôn/ấp (bắt đầu từ trung tâm thôn/ấp) theo sơ đồ dưới đây:



Giám sát viên là người hỗ trợ kỹ thuật, thực hiện việc chọn mẫu theo sơ đồ trên và lập thành danh sách theo thứ tự quy định từ 1 đến n. Sau khi lập xong danh sách đối tượng cần phỏng vấn cho 01 địa bàn, giám sát viên phân công trách nhiệm cho từng điều tra viên.

Điều tra viên nhận danh sách hộ đến tận hộ để thực hiện phỏng vấn. Trường hợp điều tra viên đến không gặp được chủ hộ thì phải quay lại 3 lần vào ba thời điểm khác nhau. Mỗi lần quay lại phải cách nhau ít nhất 6 tiếng đồng hồ. Nếu sau ba lần đến hộ mà vẫn không gặp được bất kỳ một thành viên nào trong hộ, điều tra viên báo lại cho giám sát viên để thay đổi hộ. Mỗi hộ đã được lựa chọn người phỏng vấn, nhưng nếu đã đến hộ ba lần mà người được chọn phỏng vấn không có nhà thì báo cho giám sát viên để đổi hộ.

3.3. Đơn vị nghiên cứu và đối tượng thu thông tin

Đơn vị điều tra của phiếu thông tin chung là Hộ. Hộ ở đây bao gồm Hộ gia đình là tập hợp những người có quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân, quan hệ nhận con nuôi và có ở chung và ăn chung và Hộ của những người ở chung, không có quan hệ huyết thống có thể ăn chung hoặc không ăn chung (hộ công nhân, sinh viên ở trọ cùng nhau...). Tại các Hộ gia đình, chủ hộ sẽ cung cấp thông tin của từng thành viên hiện đang sinh sống trong hộ. Tại các Hộ sống chung, một người đại diện cho Hộ (có thể là người có trình độ học vấn cao nhất trong hộ) sẽ cung cấp các thông tin về: Quan hệ với chủ hộ, giới tính, ngày tháng năm sinh. Trên cơ sở những thông tin này, điều tra viên sẽ lựa chọn người trả lời phiếu cá nhân.

Đơn vị điều tra của phiếu cá nhân là cá nhân được lựa chọn theo tiêu thức đã nêu ở phần đối tượng điều tra. Các thông tin cần thu thập trong phiếu cá nhân là: Các thông tin về đặc điểm nhân khẩu học của cá nhân; Tình trạng sức khỏe; Lịch sử uống rượu bia; tình trạng uống rượu bia trong 12 tháng qua; rượu nấu thủ công, rượu nhập lậu, rượu giả/rượu nhái; động cơ uống rượu nấu thủ công; Rượu/bia mua ở nước ngoài xách tay vào Việt Nam; Mua bán rượu/bia và khả năng đáp ứng giá; Tác động của hành vi uống rượu bia; quan niệm về rượu/bia và chất có cồn khác; Quan niệm về các chính sách liên quan đến rượu bia; Động cơ của việc uống rượu bia; Động cơ của việc không uống hay uống rượu bia trong quá khứ; sản xuất rượu thủ công; Ước lượng chi phí cho ăn uống và mua rượu bia và cuối cùng là thu nhập và tài sản của các thành viên và hộ được phỏng vấn.

4. Hạn chế nghiên cứu

Hạn chế thứ nhất, mẫu nghiên cứu chỉ đại diện đến cấp vùng mà không đại diện cho các quận/huyện. Hạn chế thứ hai là một số đối tượng phỏng vấn được lựa chọn dựa trên ngày tháng sinh ước tính do họ không nhớ chính xác được ngày tháng năm sinh. Thứ ba, sử dụng và lạm dụng

rượu bia là một hành vi cá nhân nhạy cảm, do vậy trong quá trình thực hiện một số người được khảo sát còn tỏ ra e dè, cầm chừng trong hợp tác và cung cấp thông tin. Một số người được khảo sát đã không thông báo chính xác mức độ sử dụng bia rượu hàng ngày, người trả lời có xu hướng thông báo số lượng uống thấp hơn con số thực mà các thành viên trong hộ đã sử dụng. Những hạn chế này phần nào đã làm cho kết quả ước lượng lượng rượu đã sử dụng thấp hơn so với trong thực tế.

5. Đánh giá chất lượng dữ liệu

Để cuộc điều tra có chất lượng tốt nhóm nghiên cứu đã tổ chức tập huấn và tiến hành điều tra thử hai lần. Kết quả của điều tra thử được sử dụng để rút kinh nghiệm về kỹ thuật điều tra và hoàn thiện bảng câu hỏi.

Chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật của IARD đã sang Việt Nam và cùng với nhóm nghiên cứu thảo luận về phương án điều tra, hoàn thiện phương pháp chọn mẫu và hoàn thiện bảng câu hỏi. Bảng câu hỏi sau khi được hoàn thiện dựa vào ý kiến trao đổi giữa chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật và nhóm nghiên cứu đã được gửi đi trưng cầu ý kiến các nhà quản lý của các bộ ngành liên quan đến quản lý sản xuất và buôn bán rượu bia cũng như các cơ quan phòng chống tác hại của rượu bia như: Ủy ban Các vấn đề xã hội Quốc Hội, Bộ Y tế, Bộ Công thương, Hiệp hội rượu bia Việt Nam...

Sau khi nhận được ý kiến góp ý của các nhà quản lý, hoạch định chính sách và các nhà khoa học, nhóm nghiên cứu đã hoàn thiện bảng câu hỏi lần cuối cùng. Để phục vụ tập huấn điều tra viên và phục vụ công tác điều tra, nhóm nghiên cứu đã soạn thảo cuốn Sổ tay hướng dẫn điều tra viên.

Cuộc điều tra được hoàn thành trong tháng 1 năm 2015. Điều tra viên là các cán bộ dân số của các tỉnh và các quận/huyện được khảo sát. Họ là những người rất quen thuộc với thực hiện các cuộc điều tra dân số cũng như một số các cuộc điều tra quốc gia khác. Các điều tra viên được tập huấn và điều tra thử trong hai ngày và sau đó thực hiện điều tra tại mỗi

địa bàn hai ngày dưới sự giám sát chặt chẽ của các cán bộ kỹ thuật và hỗ trợ của nhóm chuyên gia nghiên cứu.

Sau hoàn thành mỗi phỏng vấn, điều tra viên phải kiểm tra kỹ lại các thông tin thu được trên phiếu và nộp phiếu cho giám sát viên. Các giám sát viên kiểm tra chặt chẽ thông tin thu được, nếu phát hiện những thông tin kém tin cậy phải yêu cầu điều tra viên quay lại hoặc liên lạc lại với hộ gia đình để xác nhận lại thông tin. Sau khi kiểm tra các phiếu đã thu về, giám sát viên nộp lại các phiếu cho Ban chỉ đạo điều tra. Sau đó, các phiếu điều tra sẽ được các chuyên gia kỹ thuật kiểm tra lại tính logic một lần nữa trước khi nhập liệu.

Chương trình nhập liệu được thiết kế trên nền của phần mềm EpiData. Kỹ thuật viên nhập liệu là các nghiên cứu viên có kinh nghiệm với việc này. Sau khi nhập số liệu thô, các chuyên gia đã thực hiện kiểm tra mức độ chính xác của việc nhập liệu.

Đây là báo cáo kết quả chủ yếu, việc phân tích số liệu chủ yếu dựa vào thống kê mô tả. Các phương pháp tính tần số và phân tích bảng chéo được áp dụng nhiều trong báo cáo này. Các phân tích đa nhân tố sẽ được thực hiện trong các báo cáo chuyên sâu hoặc trong các bài báo sẽ được công bố trên các tạp chí quốc tế hoặc trong nước sau này.

6. Đạo đức nghiên cứu

Kế hoạch và đề xuất kỹ thuật của cuộc khảo sát nghiên cứu đã được Hội đồng Khoa học và Đạo đức của Viện Dân số và các vấn đề xã hội thẩm định và thông qua. Mặt khác, để đảm bảo tính chính xác và khách quan của thông tin thu thập được, người trả lời phỏng vấn trước khi tham gia đã được thông báo rõ ràng về mục đích nghiên cứu cũng như cách thức thực hiện. Điều tra viên tôn trọng sự tự nguyện của những người tham gia và đảm bảo tính khuyết danh, chính xác và trung thực đối với những thông tin thu được từ kết quả nghiên cứu.

Phần 2

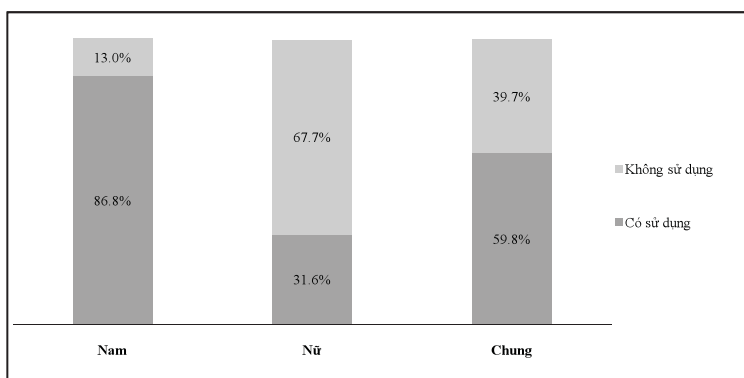
CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH

1. Tình trạng sử dụng rượu bia trong dân số

Phần lịch sử uống rượu bia ở chương này chỉ thống kê những người đã từng uống hết một cốc/ly/vại rượu, bia. Điều này có nghĩa là người đó đã từng sử dụng hết 01 đơn vị rượu mà không quan tâm đến những người chỉ sử dụng một ngụm rượu, bia từ cốc của người khác, hay chỉ nhấp nháp một ngụm mà không thực sự uống hết 01 đơn vị rượu.

1.1. Tình trạng sử dụng rượu bia theo giới tính

Kết quả điều tra SURA cho thấy trong số 5.200 người dân được khảo sát phỏng vấn, có gần 60% đã từng sử dụng rượu bia. Tỷ lệ này ở nhóm nam giới là 86,8%, ở nhóm phụ nữ là 31,6%, có nghĩa là tỷ lệ nam giới đã từng sử dụng rượu bia gấp hơn 2,5 lần tỷ lệ ở phụ nữ.



Hình 1: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát cho biết đã từng uống rượu bia và phân theo giới tính

Đây là một đặc điểm mang đặc trưng văn hoá giới ở một quốc gia Đông Nam Á như Việt Nam. Trong văn hoá truyền thống, sử dụng rượu bia, thuốc lá là những hành vi được mặc định chỉ dành cho nam giới. Thậm chí, nam tính được đánh giá thông qua những hành vi này. Người Việt Nam có câu “nam vô tửu như cờ vô phong” [“nam không uống rượu như cờ không có gió”]. Ấn ý của câu châm ngôn này là nam giới không uống rượu bia thì không mạnh mẽ.

1.2. Tình trạng sử dụng rượu bia theo độ tuổi

Theo kết quả của Điều tra này, dường như việc sử dụng rượu bia không khác biệt nhiều giữa người trẻ tuổi, người trung niên hay người cao tuổi. Ngay nhóm thanh niên trẻ dưới 25 tuổi, 45,7% mẫu khảo sát cho biết họ đã từng sử dụng rượu bia. Tỷ lệ người từng sử dụng rượu bia ở những khoảng tuổi tiếp theo cao hơn so với nhóm thanh niên dưới 25 tuổi song không khác biệt nhiều giữa các nhóm.

Bảng 4: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo tình trạng sử dụng rượu bia

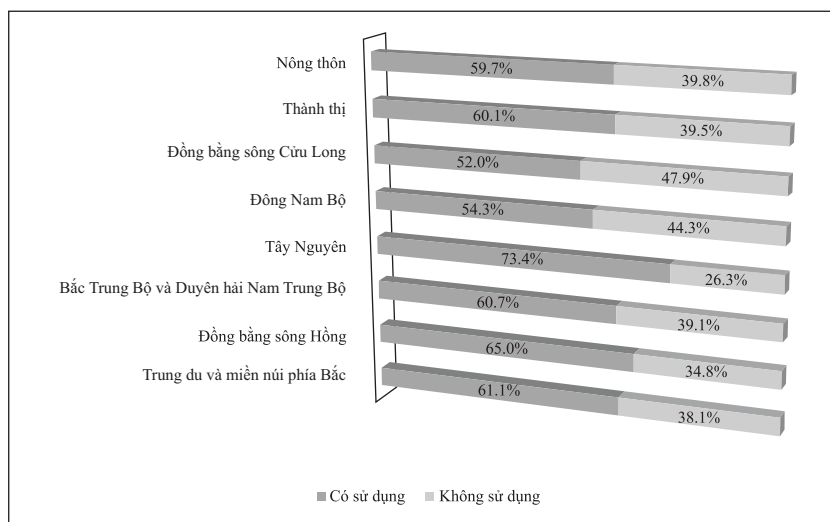
Nhóm tuổi	Hiện uống (%)	Không uống (%)	N (Người)
< 25	45,7	54,3	495
26-35	52,9	47,1	977
36-45	52,0	48	1147
46-55	50,7	49,3	1220
56+	48,6	51,4	1361
N	2619	2581	5200

Trong nhóm 26-35 tuổi, tỷ lệ người hiện đang sử dụng rượu bia chiếm gần 53%. Tỷ lệ này ở nhóm trung niên 36-45 tuổi là 52% và ở nhóm 46-55 tuổi là 50,7%. Khi bước vào độ tuổi cao (trên 55 tuổi), tỷ lệ người

hiện sử dụng rượu bia chỉ giảm chút ít song vẫn có 48,6% số người được khảo sát thuộc nhóm tuổi này cho biết hiện họ đang sử dụng rượu bia.

1.3. Tình trạng sử dụng rượu bia theo vùng nông thôn - thành thị

Phân tích theo vùng và theo thành thị - nông thôn cho thấy không có sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị về tỷ lệ người hiện sử dụng rượu bia (60% người dân được khảo sát ở khu vực thành thị và 59% người dân được khảo sát ở khu vực nông thôn cho biết hiện có sử dụng rượu bia).



Hình 2: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát cho biết đã từng uống rượu bia phân theo vùng, khu vực thành thị - nông thôn

Trong 6 vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam, Tây Nguyên là vùng có tỷ lệ người dân sử dụng rượu bia nhiều nhất (73,4%), tiếp theo, xếp hàng thứ hai là vùng Đồng bằng sông Hồng (65%), xếp thứ ba là vùng Trung du và miền núi phía Bắc (61%). Kết quả của điều tra này cho thấy Đồng bằng sông Cửu Long lại là vùng có tỷ lệ người dân hiện sử dụng rượu bia thấp nhất so với các vùng khác trong cả nước (52%).

Bảng 5: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát sử dụng hoặc không sử dụng rượu bia theo tỉnh/thành phố

Tỉnh/thành phố	Hiện uống (%)	Không uống (%)	N (người)
Hà Nội	60,7	39,3	700
Nam Định	43,6	56,4	500
Bắc Giang	50,0	50	400
Lào Cai	56,0	44	350
Khánh Hòa	54,5	45,5	400
Nghệ An	44,7	55,3	600
Đắk Lắk	63,5	36,5	170
Gia Lai	68,3	31,7	180
Bình Dương	42,0	58	500
Tây Ninh	49,8	50,2	500
Cần Thơ	47,4	52,6	500
Bến Tre	43,4	56,6	500
N	2.619	2.581	5.200

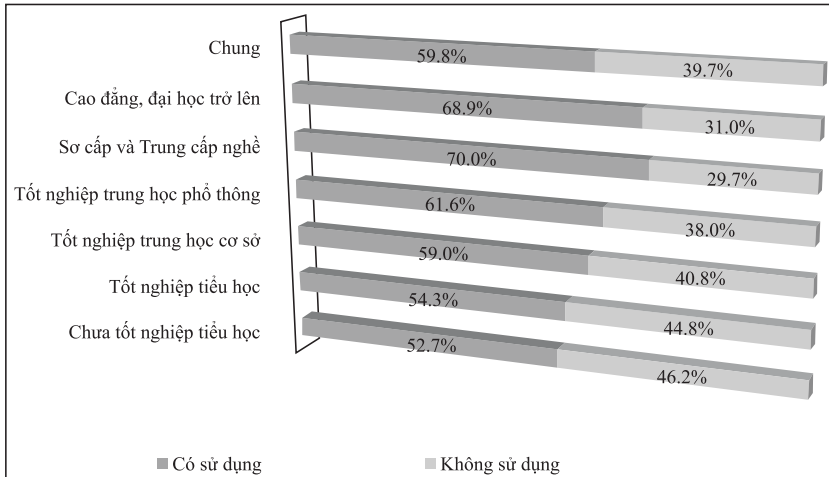
Kết quả trên cho thấy tư duy của nhiều nhà quản lý cho rằng Trung du và miền núi phía Bắc, nơi tập trung nhiều nhóm dân tộc thiểu số có phong tục và văn hoá sử dụng rượu bia rộng rãi, có tỷ lệ người dân sử dụng rượu bia cao nhất hay quan niệm người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long sử dụng rượu bia nhiều nhất là chưa hoàn toàn chính xác. Tuy nhiên, xét về tỷ lệ người sử dụng rượu bia trong tổng dân số thì như vậy song xét về lượng rượu bia trung bình một người sử dụng hàng ngày lại không hẳn

như vậy. Lưu ý rằng, sau đây thông tin về lượng rượu bia được sử dụng trung bình hàng ngày sẽ là một chỉ báo cần được tính đến.

Bảng 5 cũng đã cho thấy tỷ lệ người sử dụng rượu bia trong dân số ở từng tỉnh được điều tra khảo sát. Đắk Lắk, Gia Lai và Hà Nội là 3 địa phương có tỷ lệ người dân được khảo sát cho biết hiện đang sử dụng rượu bia cao nhất (trên 60%). Tiếp đến là các tỉnh thuộc Miền núi phía Bắc như Lào Cai, Hà Giang và đại diện cho các tỉnh Duyên hải miền Trung là Khánh Hoà có tỷ lệ người dân sử dụng rượu bia lớn thứ hai (khoảng từ 50%-60%). Kết quả này cho thấy tỷ lệ người dân sinh sống tại các tỉnh miền núi (phía Bắc hoặc Tây Nguyên) sử dụng rượu bia cao nhất. Tiếp đến những đô thị lớn của Việt Nam (trong điều tra này có điển hình là Hà Nội và Nha Trang) là những địa phương có tỷ lệ người dân sử dụng rượu bia cao thứ nhì.

1.4. Tình trạng sử dụng rượu bia theo trình độ học vấn

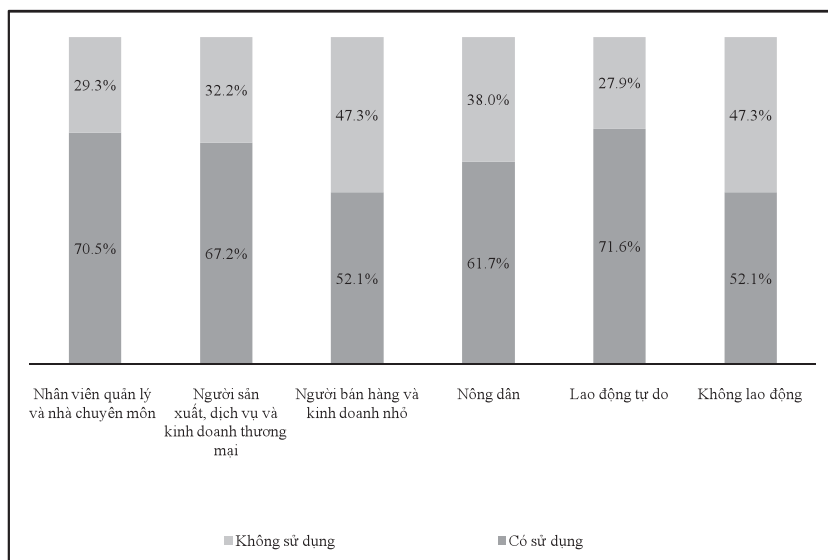
Khi phân tích sự khác biệt về tỷ lệ dân số được khảo sát sử dụng rượu bia theo trình độ học vấn, nhóm nghiên cứu đưa ra giả thuyết là những người trình độ học vấn thấp sẽ sử dụng rượu bia nhiều hơn do họ có thể gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống và uống rượu bia là một phương thức giúp họ giảm các căng thẳng trong cuộc sống. Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy tỷ lệ dân số hiện đang sử dụng rượu bia tỷ lệ thuận với trình độ học vấn phổ thông. Tỷ lệ người sử dụng rượu bia cứ tăng dần từ 52,7% ở nhóm dân số chưa tốt nghiệp tiểu học lên 54,3% ở nhóm dân số tốt nghiệp tiểu học, lên 59,0% ở nhóm tốt nghiệp trung học cơ sở, lên 61,6% ở nhóm tốt nghiệp trung học phổ thông và lên khoảng 70% ở nhóm tốt nghiệp trung cấp nghề hay cao đẳng/đại học (Hình 3).



Hình 3: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát cho biết đã từng sử dụng rượu bia phân theo trình độ học vấn

1.5. Tình trạng sử dụng rượu bia theo nghề nghiệp

Phân tích theo nghề nghiệp cho thấy, nhóm dân số điều tra có tỷ lệ người sử dụng rượu bia nhiều nhất là nhóm lao động tự do (xe ôm, bán hàng rong), chiếm 71,6%. Nhóm nhân viên hành chính có tỷ lệ người hiện đang sử dụng rượu bia cũng tương đương như vậy (70%). Nếu so sánh các đặc trưng của hai nhóm này có thể thấy một nhóm có trình độ học vấn thấp nhất và nhóm còn lại có trình độ học vấn cao nhất, một nhóm có việc làm và thu nhập thấp không ổn định trong khi nhóm kia lại có việc làm và thu nhập cao hơn và ổn định. Tỷ lệ người hiện đang sử dụng rượu bia ở hai nhóm dân số này cao tương đương nhau nhưng lý do uống và lượng rượu bia được sử dụng có thể khác nhau. Những kết quả này sẽ được phân tích ở các phần tiếp theo sau đây.

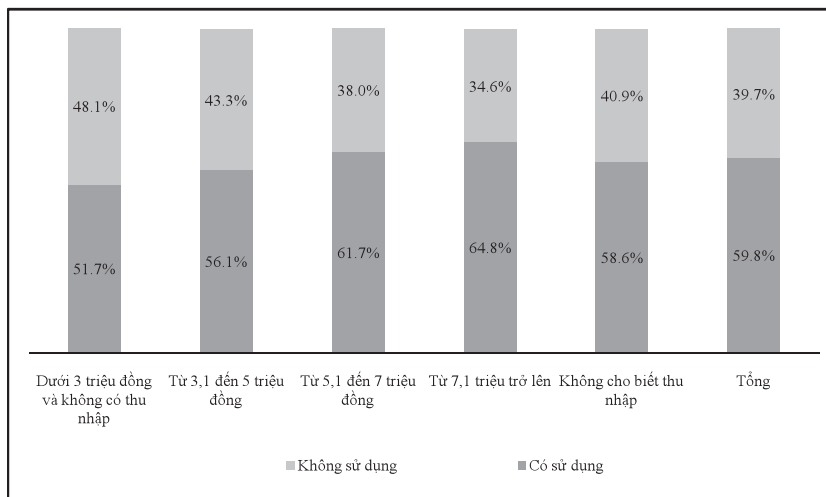


Hình 4: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát cho biết đã từng uống rượu bia phân theo nghề nghiệp

Phân tích theo nghề nghiệp, nhóm dân số có tỷ lệ người hiện sử dụng rượu bia thấp nhất (52,2%) là nhóm tiểu chủ, tự làm chủ và buôn bán nhỏ (52,2%). Thực tế, trong mẫu điều tra này, nhóm người tự làm chủ và kinh doanh buôn bán nhỏ có tới 60% là phụ nữ. Đây có lẽ là nguyên nhân giải thích vì sao tỷ lệ người sử dụng rượu bia ở nhóm này lại thấp hơn so với các nhóm dân số có nghề nghiệp khác.

1.6. Tình trạng sử dụng rượu bia theo thu nhập

Dữ liệu thu được từ Điều tra cho thấy thu nhập càng cao thì tỷ lệ người từng sử dụng rượu bia càng nhiều (Hình 5). Tỷ lệ người đã từng uống rượu bia cao nhất là thuộc về nhóm dân số có thu nhập từ 7 triệu đồng/tháng trở lên (65%) và thấp nhất ở nhóm không có thu nhập hoặc thu nhập từ 1 triệu đồng trở xuống (51,7%).



Hình 5: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát cho biết đã từng sử dụng rượu bia phân theo thu nhập hộ gia đình

Xu thế thu nhập càng cao, tỷ lệ người sử dụng rượu bia càng nhiều là hợp lý. Tuy nhiên, ở nhóm người không có thu nhập hoặc chỉ có thu nhập dưới 1 triệu đồng/tháng mà cũng có tới hơn một nửa dân số nhóm này sử dụng rượu bia. Điều này minh chứng cho tình trạng sử dụng rượu bia phổ biến ở Việt Nam.

2. Các loại rượu bia được ưa thích sử dụng

Kết quả từ cuộc điều tra khảo sát này cho thấy rượu nấu thủ công hay còn gọi là rượu tự nấu trong các hộ gia đình (trước đây còn được gọi là rượu quốc lủi trong thời kỳ Pháp thuộc, hay rượu nút lá chuối) bao gồm cả rượu gạo, rượu ngô hay rượu nấu từ các loại nguyên liệu khác... là loại đồ uống có cồn được “ưa thích” nhất trong cộng đồng ở Việt Nam. 78,4% những người hiện đang sử dụng rượu cho biết họ sử dụng loại đồ uống này. Tỷ lệ nam giới sử dụng rượu nấu thủ công lên tới 85,6% trong khi tỷ lệ này ở nữ giới chiếm 51,5% (Bảng 6).

Bảng 6: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát hiện đang sử dụng rượu bia phân theo các loại rượu bia được ưa thích tiêu dùng

Loại rượu bia	Nam (%)	Nữ (%)	Tổng (%)	N (người)
Bia	67,1	74,7	68,7	1799
Rượu vang	5,5	11,7	6,8	179
Rượu mạnh có nhãn mác	7,6	5,9	7,3	190
Rượu tự nấu thủ công	85,6	51,5	78,4	2052
Rượu giả/nhái	2,8	0,7	2,4	62
Rượu/bia nhập lậu	1,7	0,9	1,5	40
Siro có cồn	0,3	0,4	0,3	9
Rượu không có nhãn mác	86,0	51,9	78,7	2061
Rượu có nhãn mác	68,1	76,3	69,8	1828

Loại đồ uống được ưa thích sử dụng thứ hai là bia. Trong tổng số những người đang sử dụng rượu bia, có 68,7% hiện đang uống bia (67,1% ở nhóm nam giới và 74,7% ở nhóm phụ nữ). Tỷ lệ người sử dụng rượu mạnh có nhãn mác (có thể là các loại rượu ngoại có nhãn mác hoặc các loại rượu mạnh được các nhà máy trong nước sản xuất) rất ít, chỉ chiếm 7,3%. Tỷ lệ người sử dụng rượu vang cũng tương tự vậy, chỉ chiếm có 6,8% (Bảng 6).

Có một tỷ lệ nhỏ người cho biết hiện họ đã từng sử dụng rượu/bia nhập lậu (1,5%) hoặc rượu giả/nhái (2,4%). Tuy nhiên, cũng xin lưu ý rằng còn số này có thể thấp hơn thực tế vì rất nhiều người có thể đã sử dụng những loại rượu này song họ không hề biết hay nghĩ đó là rượu/bia nhập lậu hoặc rượu giả/nhái.

Tóm lại, việc sử dụng rượu bia không có nhãn mác cộng đồng ở Việt Nam phổ biến hơn sử dụng rượu bia có nhãn mác. Kết quả thống kê

cho thấy hiện có 78,7% những người đang sử dụng rượu bia đã sử dụng rượu không có nhãn mác (86,0% nam giới so với 51,9% phụ nữ). Có 69,8% những người đang sử dụng rượu bia đã sử dụng rượu có nhãn mác (tỷ lệ này ở phụ nữ cao hơn so với nam giới, tương ứng là 76,3% và 68,1%).

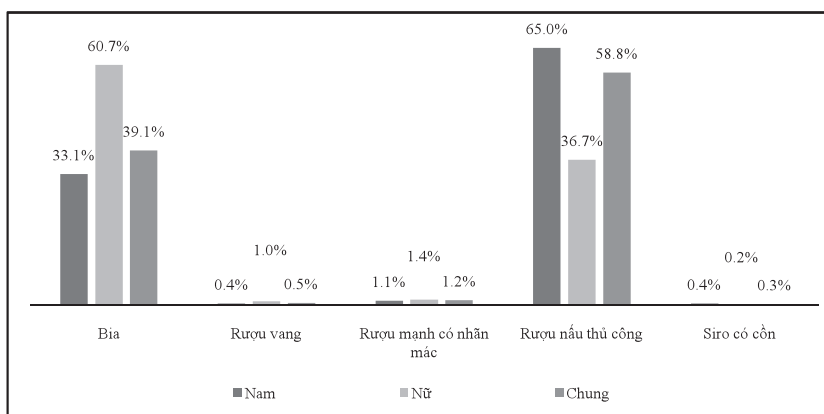
Trong phương thức sử dụng rượu bia, có những người có thể uống được nhiều loại, có những người chỉ uống loại rượu có nhãn mác, có những người chỉ uống loại rượu không có nhãn mác. 49,8% những người dân được phỏng vấn cho biết họ đã uống nhiều loại rượu bia khác nhau. Tỷ lệ nam giới sử dụng rượu bia theo phương thức này cao hơn so với phụ nữ, tương ứng là 55,3% và 29,3%. Ngược lại, chỉ có 20,7% người dân được phỏng vấn cho biết họ chỉ uống các loại rượu có nhãn mác, tỷ lệ này ở phụ nữ gấp 3 lần so với ở nam giới (47,6% so với 13,4%).

Bảng 7: Phân bố tỷ lệ (%) người hiện đang sử dụng rượu bia cho biết cách thức sử dụng các loại rượu bia của họ

Loại rượu bia	Nam (%)	Nữ (%)	Tổng (%)	N (người)
Uống nhiều loại	55,3	29,3	49,8	1303
Chỉ uống loại rượu có nhãn mác	13,4	47,6	20,7	541
Chỉ uống các loại không nhãn mác	31,3	23,2	23,2	774
Tổng	100	100	100	
N	2061	557	2618	

Hiện có tới 23,2% mẫu điều tra trong cộng đồng chỉ uống các loại rượu bia không nhãn mác mà không uống các loại rượu bia khác. Thực chất rượu bia không nhãn mác ở đây chính là các loại rượu tự nấu tại các hộ gia đình hay còn gọi là rượu nấu thủ công. Tỷ lệ nam giới uống rượu bia theo phương thức này cũng cao hơn so với phụ nữ, tương ứng là 31,3% so với 23,2%.

Như vậy, có thể thấy phương thức sử dụng rượu bia của người dân Việt Nam có nhiều điểm đáng lo ngại. Đó là có một tỷ lệ lớn người dân sử dụng rượu nấu thủ công và tỷ lệ người dân sử dụng các loại rượu không có nhãn mác thương mại cùng với đó là không có các tiêu chuẩn chất lượng đi kèm cũng rất lớn, lên tới gần 80%.



Hình 6: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo loại rượu bia tiêu dùng nhiều nhất trong 12 tháng qua, phân theo giới tính

Về loại rượu, bia được tiêu dùng nhiều nhất trong 12 tháng trước điều tra, trong tổng mẫu 2.641 người cho biết đã từng uống rượu bia, có 58% cho biết đã uống nhiều nhất là rượu nấu thủ công và 39,1% cho biết đã uống nhiều nhất là các loại bia. Các loại chất có cồn khác như: rượu vang, các loại rượu mạnh và các loại si rô có cồn, chỉ có một số lượng ít người cho biết đã uống trong 12 tháng qua.

Loại đồ uống được phụ nữ tiêu dùng nhiều nhất trong 12 tháng trước điều tra cũng là bia (60,7% phụ nữ được khảo sát cho biết đã uống nhiều nhất là bia và chỉ có 36,7% cho biết là uống nhiều nhất là rượu nấu thủ công). Ngược lại, loại đồ uống được nam giới uống nhiều nhất là rượu nấu thủ công (65,0%), sau đó mới là bia (33,1%). Minh chứng này cho thấy

rượu nấu thủ công rất được ưa chuộng trong cộng đồng dân cư ở Việt Nam xét cả tỷ lệ người đã từng uống và tỷ lệ người tiêu dùng nhiều nhất loại đồ uống có cồn này trong số các loại đồ uống có cồn.

3. Lượng rượu bia uống trung bình hàng ngày

Trong Điều tra này, những người dân được khảo sát đã được hỏi rất chi tiết về số lượng cốc bia, cốc rượu, loại cốc mà người đó đã sử dụng để uống bia rượu trong ngày, trong tuần. Đồng thời, người được khảo sát cũng cho biết về loại rượu bia đã sử dụng tương ứng với lượng bia rượu đã uống nêu trên. Sau khi xử lý làm sạch dữ liệu, việc quy chuẩn lượng rượu bia trung bình được một người sử dụng hàng ngày đã được thực hiện. Đơn vị nồng độ cồn được quy về theo gam cồn nguyên chất.

Kết quả phân tích số liệu cho thấy trong số 60% dân số hiện có sử dụng rượu bia, trung bình một ngày một người đã tiêu thụ 14,7g cồn nguyên chất, mặc dù con số trung vị chỉ là 3,7g. Trong đó, trung bình một người dân có sử dụng rượu bia đã tiêu thụ 11g cồn nguyên chất/ngày đối với các loại rượu bia không nhãn mác và 3,6g cồn nguyên chất/ngày đối với các rượu có nhãn mác. Như vậy, không chỉ có tỷ lệ người dân trong cộng đồng sử dụng rượu bia không nhãn mác nhiều hơn so với tỷ lệ người dân sử dụng rượu bia có nhãn mác mà lượng uống của người dân đối với các loại rượu không nhãn mác cũng gấp 3 so với lượng uống đối với các loại rượu bia có nhãn mác.

3.1. Lượng rượu bia uống trung bình hàng ngày phân theo độ tuổi

Kết quả phân tích bên trên cho thấy tỷ lệ dân số đã sử dụng rượu bia ở các nhóm tuổi khác nhau không khác biệt nhiều song phân tích dưới đây cho thấy lượng rượu bia trung bình mà một người sử dụng trong một ngày lại có sự khác biệt lớn theo từng nhóm tuổi.

Bảng 8: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo lượng uống trung bình hàng ngày và theo nhóm tuổi

Đơn vị: g cồn nguyên chất/ngày

Loại rượu bia	<25	26-35	36-45	46-55	56+	Tổng
Không nhãn mác						
Lượng uống trung bình	4,1	7,8	10,8	15,4	11,8	11,0
Lượng uống trung vị	0,3	0,6	0,4	0,2	0,2	0,3
Lượng uống cao nhất	65,2	157,8	66,4	104,4	109,2	157,8
N	226	517	596	619	661	2619
Có nhãn mác						
Lượng uống trung bình	3,2	4,8	4,0	3,1	3,0	3,6
Lượng uống trung vị	0,3	0,6	0,4	0,2	0,2	0,3
Lượng uống cao nhất	65,2	157,8	66,4	104,4	109,2	157,8
N	226	517	596	619	661	2619
Tổng lượng rượu bia đã uống						
Lượng uống trung bình	7,4	12,7	14,8	18,6	14,8	14,7
Lượng uống trung vị	1,0	3,1	4,5	4,7	4,7	3,7
Lượng uống cao nhất	126,0	409,7	203,4	1883,4	497,2	1883,4
N	226	517	596	619	661	2619

Bảng 8 cho thấy lượng rượu cồn nguyên chất được sử dụng trung bình trong một ngày tăng dần theo các nhóm tuổi của người sử dụng. Nhóm thanh niên dưới 25 tuổi đã sử dụng lượng rượu cồn ít nhất, 7,4g cồn nguyên chất trong một ngày, trong đó 4,1g là rượu bia không nhãn mác và 3,2g là rượu bia có nhãn mác. Ở nhóm tuổi 26-35, trung bình một ngày sử dụng hết 12,7g cồn nguyên chất (tăng 71,6% so với nhóm tuổi thấp hơn), trong đó 7,8g từ các loại bia rượu không nhãn mác và 4,8g từ các loại rượu bia có nhãn mác. Đến nhóm tuổi 36-45, trung bình một người một ngày

sử dụng 14,8g cồn nguyên chất (tăng 12,7% so với nhóm tuổi thấp hơn), trong đó có 10,8g đến từ rượu không nhãn mác, 4,0g đến từ rượu có nhãn mác. Lượng rượu cồn được sử dụng nhiều nhất ở nhóm 46-55 tuổi, trung bình 18,6g cồn nguyên chất/ngày (tăng 25,7% so với nhóm tuổi trước đó), trong đó có 15,5g cồn nguyên chất từ rượu bia không có nhãn mác và 3,1g của các loại rượu bia có nhãn mác.

Tỷ trọng lượng rượu cồn nguyên chất được sử dụng từ các loại rượu bia có nhãn mác so với từ các loại rượu bia không nhãn mác giảm dần khi tuổi tăng lên. Điều này có nghĩa là càng ở nhóm tuổi lớn, tỷ lệ người dân sử dụng rượu bia không nhãn mác càng nhiều. Ở nhóm tuổi dưới 25, tỷ lệ này chỉ là 55,4%, sau đó tăng thành 61,4% ở nhóm 26-35 tuổi, tiếp tục tăng thành 72,9% ở nhóm 36-45 tuổi, 82,8% ở nhóm 46-55 tuổi, và 79,7% với nhóm những người trên 56 tuổi. Trong tổng số lượng cồn nguyên chất được sử dụng trung bình một ngày của một người trong mẫu khảo sát này, 74,8% là từ các loại rượu bia không nhãn mác.

3.2. Lượng rượu bia uống trung bình hàng ngày phân theo giới tính

So sánh lượng rượu uống trung bình giữa nam giới và phụ nữ có thể thấy nam giới đã tiêu dùng lượng rượu bia trung bình hàng ngày lớn gấp khoảng 6 lần so với phụ nữ. Lượng rượu bia tiêu dùng trung bình của một nam giới Việt Nam là 17,8g cồn nguyên chất trong một ngày, trong khi một phụ nữ chỉ tiêu dùng có 2,9g. Đáng lưu ý là lượng uống trung vị của nam giới (5,9g cồn nguyên chất) gấp gần 20 lần so với lượng uống trung vị của phụ nữ (0,3g cồn nguyên chất).

Bảng 9 sau đây cũng cho thấy lượng tiêu dùng trung bình của nam giới đối với cả rượu bia có nhãn mác lẫn rượu bia không nhãn mác đều cao hơn so với phụ nữ. Tuy nhiên, lượng tiêu dùng rượu bia có nhãn mác trung bình của nam giới chỉ gấp khoảng 4 lần so với lượng tiêu dùng của phụ

nữ (4,2g so với 1,2g cồn nguyên chất), trong khi lượng tiêu dùng rượu bia không nhãn mác trung bình của nam giới gấp khoảng 12 lần so với lượng tiêu dùng của phụ nữ (13,6g so với 1,4g cồn nguyên chất).

Bảng 9: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo lượng uống trung bình hàng ngày và theo giới tính

Đơn vị: g cồn nguyên chất/ngày

Loại rượu bia	Nam	Nữ	Chung
Không nhãn mác			
Lượng uống trung bình	13,6	1,4	11,0
Lượng uống trung vị	2,7	0,0	1,4
Lượng uống cao nhất	1878,2	101,4	1878,2
N	2061	557	2618
Có nhãn mác			
Lượng uống trung bình	4,2	1,4	3,6
Lượng uống trung vị	0,43	0,13	0,31
Lượng uống cao nhất	157,8	65,2	157,8
N	2061	557	2618
Tổng lượng rượu bia đã uống			
Lượng uống trung bình	17,8	2,9	14,7
Lượng uống trung vị	5,9	0,3	3,7
Lượng uống cao nhất	1883,4	102	1883,4
N	2061	557	2618

3.3. Lượng rượu bia uống trung bình ngày phân theo nông thôn - thành thị

Phân tích theo khu vực sinh sống nông thôn và thành thị, lượng rượu bia tiêu dùng trung bình hàng ngày của một người dân sống ở khu vực

thành thị không khác biệt nhiều so với một người sống ở khu vực nông thôn (tương ứng là 15,6g và 14g cồn nguyên chất trung bình một ngày).

Bảng 10: Phân bố (%) người được khảo sát theo lượng uống trung bình ngày và theo thành thị - nông thôn

Đơn vị: g cồn nguyên chất/ngày

Loại rượu bia	Thành Thị	Nông thôn	Chung
Rượu bia không nhãn mác			
Lượng uống trung bình	10,0	11,6	11,1
Lượng uống trung vị	0,5	1,9	1,4
N	1056	1563	2619
Rượu bia có nhãn mác			
Lượng uống trung bình	5,5	2,4	3,6
Lượng uống trung vị	0,6	0,2	0,3
N	1056	1563	2619
Tổng lượng rượu bia đã uống			
Lượng uống trung bình	15,6	14,0	14,7
Lượng uống trung vị	4,3	3,6	3,7
Lượng uống thấp nhất	0,0	0,0	0,0
Lượng uống cao nhất	1883,4	659,2	1883,5
N	1056	1563	2619

Tuy nhiên, sự khác biệt về lượng rượu bia uống trung bình một ngày giữa người dân sống ở khu vực nông thôn và thành thị lại liên quan đến loại rượu bia được sử dụng. Trong khi người dân thành thị tiêu dùng lượng rượu bia có nhãn mác trung bình hàng ngày nhiều gấp đôi người dân nông thôn (tương ứng là 5,5g so với 2,4g cồn nguyên chất từ rượu bia có nhãn mác), ngược lại, người dân ở khu vực nông thôn lại tiêu dùng lượng rượu bia không nhãn mác nhiều hơn so với người dân sống ở khu

vực thành thị (tương ứng là 11,6g so với 10,0g cồn nguyên chất từ rượu bia không nhãn mác) (Bảng 10).

4. Mức độ sử dụng rượu bia trung bình hàng ngày

Căn cứ vào lượng rượu bia được sử dụng tính theo gam cồn nguyên chất, các chuyên gia quốc tế hiện đang áp dụng một thang đo về mức độ sử dụng rượu bia trung bình mỗi ngày gồm các mức: i/ Uống ít (0-5g cồn nguyên chất/ngày); ii/ Uống vừa (5-24g cồn nguyên chất/ngày); iii/ Uống nhiều (25-48g cồn nguyên chất/ngày); iv) Nghiện (48-60g cồn nguyên chất/ngày); v) Nghiện nặng (60+g cồn nguyên chất/ngày).

Theo kết quả Điều tra, 54,4% người được điều tra thuộc nhóm người uống ít, trung bình chỉ uống khoảng dưới 5g cồn nguyên chất một ngày; 30,7% người được điều tra thuộc nhóm người uống vừa, trung bình từ 5-24g cồn nguyên chất một ngày; 8,3% người được điều tra thuộc nhóm người uống nhiều, trung bình từ 25-48g cồn nguyên chất một ngày. Tỷ lệ những người có mức độ sử dụng rượu bia ở mức nghiện hoặc nghiện nặng chiếm 6,7%, trong đó đáng lưu tâm là tỷ lệ người nghiện nặng chiếm tới 5% (Bảng 11).

4.1. Mức độ uống trung bình hàng ngày phân theo độ tuổi

Kết quả điều tra cho thấy càng lên những độ tuổi cao, mức “uống ít” càng giảm dần, mức “uống vừa” và mức “uống nhiều” càng tăng dần. Bảng 11 cho thấy 71,4% những người dưới 25 tuổi sử dụng rượu bia ở mức “uống ít”. Tỷ lệ này giảm xuống còn 58,1% ở nhóm 26-35 tuổi, 51,3% ở nhóm 36-45 tuổi, 51,6% ở nhóm 46-55 tuổi và chỉ có khoảng ½ số người ở nhóm những người trên 56 tuổi có mức độ uống trung bình hàng ngày ở mức “uống ít”.

Ngược lại, tỷ lệ người có mức độ uống trung bình hàng ngày ở mức “uống vừa” đã tăng từ 21,0% ở nhóm dưới 25 tuổi lên 28,5% ở nhóm 26-35; 30,8% ở nhóm 36-45; và lên 33,4% ở nhóm 46-55 hay 33,1% ở nhóm trên 56 tuổi. Tỷ lệ người có mức độ uống trung bình hàng ngày ở mức “uống nhiều” cũng đã tăng từ 3,1% ở nhóm dưới 25 tuổi lên 7,8% ở nhóm 26-35 tuổi; 9,5% ở nhóm 36-45 tuổi; 7,3% ở nhóm 46-55 tuổi đặc biệt lên tới 10,5% ở nhóm những người trên 56 tuổi (Bảng 11).

Bảng 11: Phân bố tỷ lệ (%) người hiện đang sử dụng rượu bia theo mức độ uống và theo nhóm tuổi

Mức độ uống trung bình ngày	<25	26-35	36-45	46-55	56+	Tổng
Uống ít (0-5g/ngày)	71,4	58,1	51,3	51,6	50,9	54,4
Uống vừa (5-24g/ngày)	21,0	28,5	30,8	33,4	33,1	30,7
Uống nhiều (25-48g/ngày)	3,1	7,8	9,5	7,3	10,5	8,3
Nghiện (48-60g/ngày)	1,8	1,4	3,2	1,3	0,8	1,7
Nghiện nặng (60+g/ngày)	2,7	4,3	5,2	6,4	4,7	5,0
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
N	224	516	591	614	658	2603

Quy luật theo tuổi không rõ đối với mức độ “nghiện”. Tỷ lệ người có mức sử dụng rượu bia ở mức độ này cao nhất ở nhóm 36-45 tuổi (3,2%). Đối với mức độ “nghiện nặng”, tỷ lệ người sử dụng ở mức độ này tăng khi tuổi càng tăng từ nhóm thanh niên đến nhóm 55 tuổi (trương ứng là 2,7% ở nhóm dưới 25 tuổi; 4,3% ở nhóm 26-35 tuổi; 5,2% ở nhóm 36-45 tuổi và 6,4% ở nhóm 46-55 tuổi). Quy luật này hoàn toàn phù hợp với tính chất của việc sử dụng rượu bia. Thời gian sử dụng càng dài, lượng rượu bia sử dụng càng tăng. Bước sang nhóm tuổi cao trên 56 tuổi, tỷ lệ người có mức sử dụng ở mức độ “nghiện nặng” có giảm chút ít (4,7%) song vẫn cao hơn so với nhóm tuổi dưới 35.

4.2. Mức độ uống trung bình hàng ngày phân theo giới tính

Trong số những phụ nữ hiện có sử dụng rượu bia, 88,4% phụ nữ sử dụng rượu bia ở mức “uống ít”; 9,6% sử dụng ở mức “uống vừa”. Tỷ lệ người sử dụng rượu bia ở mức “uống nhiều” trở lên chỉ chiếm có 2% (Bảng 12).

Bảng 12: Phân bố tỷ lệ (%) người hiện đang sử dụng rượu bia theo mức độ uống và theo giới tính

Mức độ uống	Nam	Nữ	Tổng
Mức uống ít (0-5g/ngày)	45,1	88,4	54,3
Mức uống vừa (5-24g/ngày)	36,4	9,6	30,7
Mức uống nhiều (25-48g/ngày)	10,4	0,5	8,3
Nghiện (48+g/ngày)	2,0	0,4	1,7
Nghiện nặng (60+g/ngày)	6,0	1,1	5,0
Tổng	100,0	100,0	100,0
N	2048	554	2602

Ngược lại, mức độ sử dụng rượu bia của nam giới ở các mức “uống vừa” trở lên chiếm ưu thế hơn so với mức “uống ít”. 45,1% người được điều tra đã sử dụng rượu bia ở mức “uống ít” trong khi 46,8% đã sử dụng rượu bia ở mức “uống vừa” hoặc “uống nhiều”. 8% người được điều tra đã sử dụng rượu bia ở mức nghiện trở lên, trong đó có 6,0% đã sử dụng ở mức “nghiện nặng”.

4.3. Mức độ uống trung bình hàng ngày phân theo nông thôn - thành thị

Theo kết quả Điều tra, không có sự khác biệt nhiều giữa thành thị và nông thôn về phân bố tỷ lệ người hiện đang sử dụng rượu bia theo các mức độ uống khác nhau. Khoảng ½ số người được khảo sát đã sử dụng rượu bia ở mức “uống ít”, tỷ lệ này ở khu vực nông thôn cao hơn thành thị có 3,6

điểm phần trăm (55,8% so với 52,3%). Tỷ lệ người sử dụng rượu bia ở mức “uống vừa” ở khu vực thành thị là 32,6% trong khi ở nông thôn là 29,4%. Với mức độ “uống nhiều”, “nghiện” hay “nghiện nặng” sự khác biệt giữa khu vực nông thôn và thành thị gần như không có (Bảng 13).

Bảng 13: Phân bố tỷ lệ (%) người hiện đang sử dụng rượu bia theo mức độ uống và theo khu vực thành thị - nông thôn

Mức độ uống	Thành thị	Nông thôn	Tổng
Uống ít (0-5g/ngày)	52,3	55,8	54,4
Uống vừa (5-24g/ngày)	32,6	29,4	30,7
Uống nhiều (25-48g/ngày)	8,8	8,0	8,3
Nghiện (48+g/ngày)	1,5	1,7	1,7
Nghiện nặng (60+g/ngày)	4,9	5,0	5,0
Tổng	100,0	100,0	100,0
N	1050	1553	2603

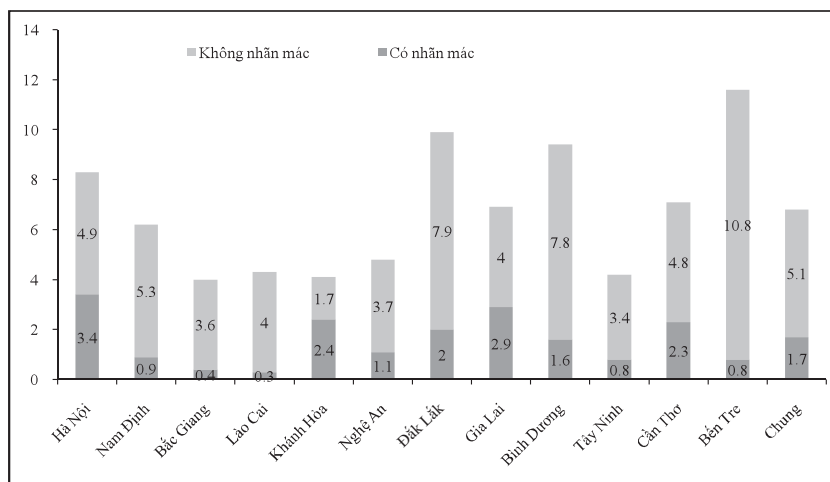
5. Tiêu dùng rượu bia nhãn mác và không nhãn mác

Dưới đây sẽ là thông tin về lượng rượu bia có nhãn mác và không nhãn mác được sử dụng cũng như phân bố về mức độ sử dụng các loại rượu bia này trong cộng đồng. Dữ liệu được phân tích theo từng tỉnh thành được lựa chọn làm địa bàn điều tra.

5.1. Lượng rượu bia trung bình có nhãn mác và không nhãn mác đã tiêu dùng

Tính theo lít 100% nồng độ cồn, trung bình một năm một người Việt Nam trong Điều tra này đã sử dụng 6,8 lít rượu 100% nồng độ cồn, trong đó lượng rượu không nhãn mác được tiêu dùng nhiều gấp 3 lần lượng rượu có nhãn mác (tương ứng là 5,1 lít rượu không nhãn mác so với 1,7 lít rượu

có nhãn mác) (Hình 7). Trong bối cảnh kiểm soát chất lượng các loại rượu không nhãn mác không thể thực hiện được, đây là một nguy cơ rất lớn đối với sức khoẻ người dân. Điều này không lạ khi mà số vụ ngộ độc rượu ngày một gia tăng trong thời gian qua.



Hình 7: Lượng rượu tiêu dùng trung bình của một người tính theo lít 100% nồng độ cồn phân theo loại rượu bia (có nhãn mác và không có nhãn mác)

(Đơn vị tính: lít 100% nồng độ cồn/năm)

Trong 12 tỉnh được điều tra, nhìn chung, lượng rượu tính theo 100% nồng độ cồn được tiêu dùng trung bình của một người trong một năm cao hơn ở các tỉnh Tây Nguyên (như Đắk Lắk: 9,9 lít/người/năm và Gia Lai: 6,9 lít/người/năm) và ở các tỉnh miền Nam (như Bến Tre: 11,6 lít/người/năm; Bình Dương: 9,4 lít/người/năm; Cần Thơ: 7,1 lít/người/năm) so với các tỉnh phía Bắc và miền Trung. Nơi có mức tiêu dùng lượng rượu tính theo lít 100% nồng độ cồn cao nhất của miền Nam là Bến Tre với mức 11,6 lít/người/năm trong khi đó nơi có mức tiêu dùng lượng rượu tính theo lít 100% nồng độ cồn cao nhất của miền Bắc là Hà Nội với mức 8,3 lít/người/năm.

Theo nguyên tắc chọn mẫu, mỗi vùng kinh tế - xã hội sẽ có 2 tỉnh được lựa chọn làm địa bàn điều tra khảo sát. Trong đó, một tỉnh đại diện cho những tỉnh có mức thu nhập bình quân đầu người trên mức trung bình của vùng, tỉnh còn lại đại diện cho những tỉnh có mức thu nhập trung bình đầu người dưới mức trung bình của vùng. Kết quả thống kê cho thấy quy luật, trong mỗi vùng những tỉnh có mức thu nhập bình quân đầu người cao, lượng rượu bia được tiêu dùng trung bình của một người dân tính theo lít 100% nồng độ cồn cũng cao. Ở miền Bắc và miền Nam có thể thấy, Hà Nội có mức tiêu dùng 8,3 lít/người/năm so với Nam Định là 6,2 lít/người/năm; Đắk Lắk có mức tiêu dùng là 9,9 lít/người/năm so với Gia Lai là 6,9 lít/người/năm; Bình Dương có mức tiêu dùng là 9,4 lít/người/năm so với Tây Ninh 4,2 lít/người/năm. Riêng ở miền Tây Nam Bộ, Cần Thơ là địa phương có mức thu nhập bình quân đầu người cao hơn Bến Tre, tổng lượng rượu bia tiêu dùng trung bình của Cần Thơ tính bằng lít 100% nồng độ cồn cho một người trong năm thấp hơn của Bến Tre (tương ứng là 7,1 lít so với 11,6 lít). Tuy nhiên, ở Bến Tre, người dân tiêu dùng rượu không nhãn mác là chủ yếu (10,8 lít rượu không nhãn mác và 0,8 lít rượu có nhãn mác), trong khi mức tiêu dùng rượu có nhãn mác của người dân ở Cần Thơ cao hơn (2,3 lít rượu có nhãn mác và 4,8 lít rượu không có nhãn mác).

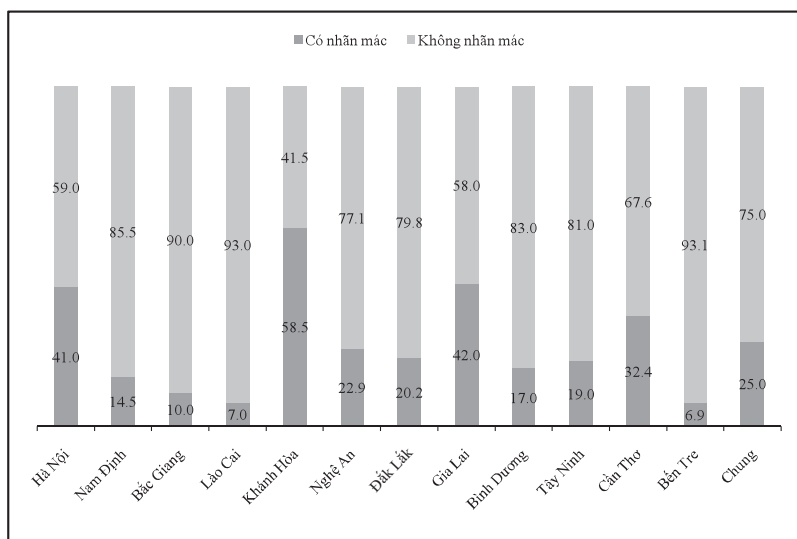
Một điểm cần quan tâm là những địa phương nào có lượng rượu 100% nồng độ cồn trung bình của một người tiêu dùng trong năm trước điều tra càng lớn thì lượng rượu không nhãn mác được tiêu dùng trong số đó cũng rất lớn, tỷ trọng giữa rượu không nhãn mác so với rượu nhãn mác được tiêu dùng càng tăng. Trong số 12 tỉnh được điều tra, 5 tỉnh có lượng rượu tính theo lít 100% nồng độ cồn được tiêu dùng nhiều nhất (Bến Tre, Đắk Lắk, Bình Dương, Hà Nội, Nam Định) cũng chính là 5 tỉnh có lượng rượu không nhãn mác được tiêu dùng nhiều nhất (tương ứng là 10,8 lít/người/năm ở Bến Tre; 7,9 lít/người/năm ở Đắk Lắk; 7,8 lít/người/năm ở Bình Dương; 4,9 lít/người/năm ở Hà Nội và 5,3 lít/người/năm ở Nam Định). Tỷ trọng rượu không nhãn mác được tiêu dùng ở Bến Tre gấp 12 lần so với rượu có nhãn

Phần 2. Các phát hiện chính

mác; ở Đắk Lắk gấp 4 lần; ở Bình Dương gấp gần 5 lần; ở Nam Định gấp khoảng 6 lần... Tỷ trọng rượu không nhãn mác được tiêu dùng so với rượu có nhãn mác chỉ thấp ở các vùng thành phố lớn, ví dụ như Khánh Hoà chỉ gấp 0,7 lần, Hà Nội chỉ gấp 1,5 lần, Cần Thơ gấp hơn 2 lần.

5.2. Phân bố tỷ lệ các loại rượu bia có nhãn mác và không nhãn mác đã tiêu dùng

Hình 8 cho thấy, tỷ lệ lượng rượu bia có nhãn mác tính theo lít 100% nồng độ cồn được tiêu dùng cao nhất là ở Khánh Hoà, chiếm 58,5%, Gia Lai là 42,0%, tiếp đến ở Hà Nội là 41,0%, Cần Thơ là 32,4%. Ba trong số bốn địa phương trên là những thành phố lớn. Ngược lại, ở các địa phương như các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Cửu Long, lượng rượu bia không nhãn mác tính theo lít 100% nồng độ cồn được tiêu dùng ở mức trên 90% (Bắc Giang: 90,0%; Lào Cai: 93,0% và Bến Tre: 93,1%) (Hình 8).



Hình 8: Phân bố tỷ lệ (%) lượng rượu đã tiêu dùng tính bằng lít 100% nồng độ cồn phân theo loại rượu bia (có nhãn mác và không nhãn mác) và theo địa phương

Đáng lưu ý là những tỉnh ở đồng bằng, không phân biệt mức độ đô thị hoá cao hay thấp, tỷ lệ lượng rượu không nhãn mác tiêu dùng cũng ở mức trên 80%. Trong khi Bình Dương và Tây Ninh là những tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, nơi đang có mức độ đô thị hoá, công nghiệp hoá nhanh song tỷ lệ lượng rượu không nhãn mác được tiêu dùng tương ứng là 83,0% và 81,0%. Nam Định là một tỉnh thuần nông thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng, tỷ lệ lượng rượu không nhãn mác được tiêu dùng lên tới 85,5%. Nghệ An đại diện cho các địa phương ở vùng Bắc Trung Bộ có tỷ lệ lượng rượu không nhãn mác được sử dụng là 77,1% và Đắk Lắk tỷ lệ này cũng ở mức 79,8%.

Các kết quả trên cho thấy mức độ sử dụng rượu không nhãn mác rất phổ biến trong cộng đồng xét về tỷ lệ người trong dân số được khảo sát sử dụng các loại rượu này. Lượng rượu không nhãn mác được tiêu dùng trong cộng đồng cũng rất lớn.

6. Lý do sử dụng rượu bia không nhãn mác

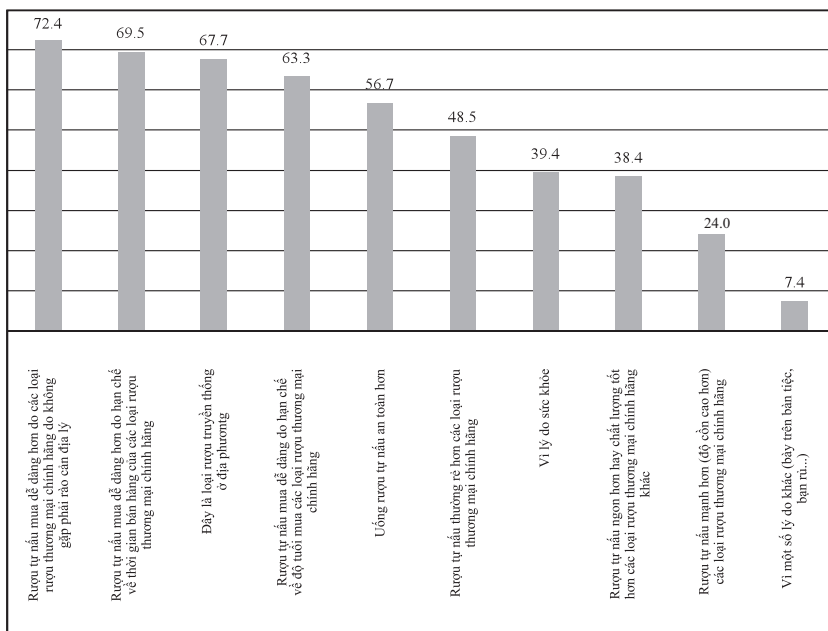
Khảo sát về lý do sử dụng các loại rượu không nhãn mác, chủ yếu là các loại rượu tự nấu tại các địa phương cho thấy có cả những lý do về kinh tế lẫn các lý do về tâm lý xã hội, có cả lý do về khả năng tiếp cận lẫn lý do là niềm tin, quan điểm, thái độ tạo nên hành vi của người sử dụng.

Lý do sử dụng rượu tự nấu không có nhãn mác phổ biến nhất được người dân cho biết là do nó rất dễ mua so với các loại rượu bia có nhãn mác thương mại khác. Việc mua các loại rượu tự nấu không nhãn mác này rất dễ dàng xét về khoảng cách địa lý (72,4% người được khảo sát có ý kiến này), rất dễ dàng xét về thời gian (69,5%), rất dễ dàng vì không bị những quy định luật pháp về tuổi giới hạn (63,3%) (Hình 9).

Lý do sử dụng rượu tự nấu không nhãn mác phổ biến thứ hai chính là quan niệm của người dân về loại rượu này. Họ cho rằng đây

Phần 2. Các phát hiện chính

là loại rượu truyền thống của địa phương nên ưa chuộng và sử dụng (67,7%). Nhiều người có niềm tin là các loại rượu tự nấu được nấu bởi các gia đình trong địa phương họ đang sinh sống (họ hàng, láng giềng), họ nghĩ rằng như vậy là họ đã biết về nguồn gốc của rượu, vì thế uống rượu tự nấu an toàn hơn so với các loại rượu có nhãn mác có thể lại là các loại rượu giả/nhái. 56,7% người được khảo sát mang niềm tin này và 39,4% những người được khảo sát quan niệm uống loại rượu này có lợi cho sức khỏe (Hình 9).



Hình 9: Phân bố tỷ lệ (%) người uống rượu cho biết lý do uống rượu tự nấu thủ công không có nhãn mác của các hộ gia đình

Lý do tiêu dùng quan trọng thứ ba lại chính là lý do kinh tế. 48,5% những người được điều tra cho biết họ đã uống loại rượu tự nấu, không có nhãn mác vì loại rượu này thường rẻ hơn các loại rượu thương mại chính hãng.

Lý do tiêu dùng quan trọng thứ tư mới là quan điểm ưa thích loại rượu này xét về vị giác hay chất lượng rượu. Nhiều người cho rằng rượu tự nấu ngon hơn, có chất lượng hơn các loại rượu thương mại chính hãng (38,4%) hay rượu tự nấu có nồng độ cồn mạnh hơn so với các loại rượu thương mại chính hãng (24,0%).

Một số lý do khác như uống các loại rượu tự nấu, không có nhãn mác vì được đặt sẵn trên bàn tiệc hay được các bạn mời, rủ uống chiếm tỷ lệ không nhiều (7,4%). Như vậy, có thể thấy việc tiêu dùng rượu tự nấu không nhãn mác của người dân Việt Nam trong cộng đồng hoàn toàn mang tính chủ động, có ý thức. Họ quyết định sử dụng loại rượu này trên cơ sở tiếp cận nó dễ dàng, lợi ích về giá cả, niềm tin về nguồn gốc, chất lượng (dù niềm tin này còn lệch lạc) và trên cả quan niệm về sự ưa thích.

Phân tích sự khác biệt theo giới tính cho thấy tỷ trọng nam lựa chọn cao hơn nữ ở tất cả các lý do được đưa ra ($p_value < 0,05$). Không có sự khác biệt về lý do lựa chọn uống rượu tự nấu thủ công không nhãn mác theo các nhóm tuổi của người dân.

7. Ảnh hưởng của sức khỏe cảm nhận tới sử dụng rượu bia

Trước tiên cần lưu ý rằng đây là phân phân tích về ảnh hưởng của sử dụng rượu bia đến sức khỏe tự đánh giá hay còn gọi là sức khỏe cảm nhận của chính người uống. Ngược lại, quan niệm này sẽ tác động tới hành vi tiêu dùng rượu bia của họ. Nếu người dân cho rằng uống rượu bia mà sức khỏe cảm nhận của họ tốt thì đây là một ảnh hưởng tích cực của sử dụng rượu bia, đồng thời họ có chiều hướng gia tăng mức độ sử dụng rượu bia. Ngược lại, nếu người dân cho rằng uống rượu bia mà sức khỏe cảm nhận của họ không tốt, họ sẽ dừng hay giảm lượng uống.

Quan niệm về sức khỏe cảm nhận khác so với thực trạng sức khỏe được xác định theo chuyên môn y tế. Quan niệm về sức khỏe cảm nhận

tồn tại tại thời điểm hiện tại (thời điểm điều tra) trong khi thực trạng sức khoẻ lại bao gồm cả sức khoẻ thể hiện ở thời điểm hiện tại lẫn những nguy cơ tiềm ẩn bên trong mà chỉ có thông qua chuyên môn y tế mới phát hiện được. Sử dụng rượu bia được các cơ quan y tế coi là yếu tố phơi nhiễm đối với sức khoẻ của người sử dụng trong tương lai khi sử dụng tới mức độ lạm dụng trong một thời gian dài. Sử dụng rượu bia mang đặc tính hai mặt, cả tích cực nếu sử dụng hợp lý, có trách nhiệm, cả tiêu cực nếu lạm dụng.

Kết quả điều tra khảo sát cho thấy không có sự khác biệt về tình trạng sức khoẻ cảm nhận ở mức “bình thường” giữa hai nhóm hiện đang sử dụng rượu bia và không sử dụng rượu bia (50,2% so với 49,5%).

Dưới góc độ cảm nhận tích cực, 43,1% những người hiện đang sử dụng rượu bia tự đánh giá sức khoẻ của họ ở mức tốt hoặc rất tốt song tỷ lệ này chỉ chiếm 37,1% ở nhóm hiện đang không sử dụng rượu bia và 29,3% ở nhóm trước đây có sử dụng nhưng đã không còn sử dụng trong năm trước điều tra.

Dưới góc độ cảm nhận tiêu cực, chỉ có 6,5% người được điều tra trong nhóm hiện đang sử dụng rượu bia cảm nhận họ có sức khoẻ kém song tỷ lệ này tăng thành 12,9% ở nhóm người không sử dụng rượu bia và 23,8% ở nhóm những người trước đây có sử dụng rượu bia nhưng hiện không sử dụng rượu bia trong năm trước điều tra (Bảng 14).

Bảng 14: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo tình trạng sử dụng rượu bia và tình trạng sức khỏe tự cảm nhận

Tình trạng sức khỏe tự đánh giá	Hiện đang uống	Hiện không uống	Trước uống, không uống năm vừa qua	Chung
Rất tốt	8,8	6,8	5,9	7,7
Tốt	34,3	30,3	23,4	31,6
Bình thường	50,2	49,5	45,5	49,5
Kém	6,5	12,9	23,8	10,7
Rất kém	0,2	0,4	1,4	0,4
Không biết	0,0	0,1	0,0	0,1
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0
N	2619	2065	492	5176

Kết quả này đã minh chứng cho thấy những người cảm nhận sức khỏe tốt, mức độ tiêu dùng rượu bia sẽ nhiều hơn những người có cảm nhận sức khỏe kém (so sánh giữa nhóm hiện đang sử dụng với nhóm hiện không sử dụng). Sử dụng rượu bia có ảnh hưởng tới sức khỏe nên khi cảm nhận sức khỏe kém đi thì người ta không sử dụng rượu bia nữa (nhóm trước đây có sử dụng nhưng hiện không sử dụng trong năm trước Điều tra).

Về sức khỏe tinh thần cảm nhận, các kết quả phân tích cho thấy không có sự khác biệt nhiều giữa tình trạng hiện sử dụng hay không sử dụng hay trước đây sử dụng hiện không sử dụng rượu bia với các mức độ “hoàn toàn thoải mái” hay “không căng thẳng” hay “ít căng thẳng”. Tuy nhiên, tình trạng hoàn toàn không uống hay trước đã uống hiện không còn uống đã khiến cho tỷ lệ người cảm nhận sức khỏe tinh thần ở mức “hoàn toàn thoải mái” hay “không căng thẳng” giảm đi chút ít, tương ứng là từ 33,0% so với 32,2% và 30,5% hay 40,9% so với 39,7% và 38,6% (Bảng 15).

Bảng 15: Phân bố tỷ lệ (%) người được khảo sát theo tình trạng sử dụng rượu bia và tình trạng sức khỏe tinh thần tự cảm nhận

Tình trạng sức khỏe tinh thần cảm nhận	Hiện đang uống	Hiện không uống	Các năm trước uống nhưng năm vừa qua không uống	Chung
Rất căng thẳng	0,6	0,7	0,4	0,6
Căng thẳng	5,3	5,8	8,7	5,8
Ít căng thẳng	20,0	21,0	21,3	20,6
Không căng thẳng	40,9	39,7	38,6	40,2
Hoàn toàn thoải mái	33,0	32,2	30,5	32,4
Không biết	0,2	0,7	0,4	0,4
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0
N	2619	2065	492	5176

Riêng ở các mức độ triệu chứng “căng thẳng” hay “rất căng thẳng”, sự khác biệt không có giữa nhóm hiện đang sử dụng và nhóm không sử dụng rượu bia (5,9% so với 6,6%). Tuy nhiên, tỷ lệ này chiếm tới 9,1% ở nhóm trước đây có sử dụng rượu bia nhưng không còn sử dụng trong một năm trước Điều tra. Kết quả này cho thấy với mức độ tiêu dùng như hiện nay, uống rượu bia dường như giúp giải tỏa trạng thái căng thẳng đối với sức khỏe tinh thần theo quan niệm của người sử dụng. Khi không sử dụng, trạng thái căng thẳng có xu hướng gia tăng trong sức khỏe tinh thần cảm nhận của họ. Với xu thế này, hiện rất nhiều người sử dụng rượu bia đều có quan niệm uống rượu bia giúp giải tỏa căng thẳng về tinh thần, tạo hưng phấn trong công việc, giao tiếp... Từ đó mức độ sử dụng rượu bia trung bình của một người gia tăng, tỷ lệ người sử dụng rượu bia trong các nhóm dân số cũng gia tăng.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Điều tra về tiêu dùng rượu bia quốc gia lần đầu tiên được thực hiện ở Việt Nam với cỡ mẫu đại diện lên tới 5.200 người. Điều tra được thực hiện tại 12 tỉnh, thành phố đại diện cho 6 vùng kinh tế - xã hội của đất nước (gồm Lào Cai, Bắc Giang, Hà Nội, Nam Định, Nghệ An, Khánh Hoà, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Dương, Tây Ninh, Cần Thơ, Bến Tre). Một số kết quả chủ yếu cho thấy “bức tranh” tình trạng tiêu dùng rượu bia của người dân trong cộng đồng. Cụ thể:

1. Về tỷ lệ người sử dụng rượu bia

Gần 60% người được điều tra đã từng sử dụng rượu bia (86,8% ở nhóm nam giới và 31,6% ở nhóm phụ nữ). Tỷ lệ người sử dụng rượu bia không khác biệt nhiều giữa người trẻ, trung niên hay người cao tuổi, cũng không khác nhau giữa khu vực thành thị hay nông thôn. Sự khác biệt chỉ xuất hiện theo vùng địa lý kinh tế. Tây Nguyên là vùng có tỷ lệ người dân sử dụng rượu bia nhiều nhất (73,4%), tiếp theo, xếp hàng thứ hai là vùng Đồng bằng sông Hồng (65%), xếp thứ ba là vùng Trung du và miền núi phía Bắc (61%). Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có tỷ lệ người dân hiện sử dụng rượu bia thấp nhất so với các vùng khác trong cả nước (52%). Các tỉnh ở khu vực miền núi là nơi có tỷ lệ người sử dụng rượu bia cao nhất. Những đô thị lớn của Việt Nam là những địa phương có tỷ lệ người dân sử dụng rượu bia cao thứ nhì.

Tỷ lệ dân số hiện đang sử dụng rượu bia tỷ lệ thuận với trình độ học vấn phổ thông. Nhóm có trình độ học vấn càng cao thì tỷ lệ người sử dụng rượu bia càng nhiều (từ hơn 50% ở nhóm dân số chưa tốt nghiệp tiểu học lên khoảng 70% ở nhóm tốt nghiệp trung cấp nghề hay cao đẳng/đại học).

Trong các nhóm nghề nghiệp khác nhau, hai nhóm dân số có tỷ lệ người sử dụng rượu bia nhiều nhất là nhóm người làm nghề tự do (xe ôm, bán hàng rong) (71,6%) và nhóm nhân viên hành chính (70%). Tuy nhiên, đặc trưng nhân khẩu học, kinh tế của hai nhóm này lại hoàn toàn đối ngược nhau. Nhóm nghề nghiệp có tỷ lệ người hiện sử dụng rượu bia thấp nhất là nhóm tiểu chủ, tự làm chủ và buôn bán nhỏ (52,2%).

Thu nhập càng cao thì tỷ lệ người từng sử dụng rượu bia càng nhiều. Tỷ lệ người đã từng uống rượu bia cao nhất là thuộc về nhóm dân số có thu nhập từ 7 triệu đồng/tháng trở lên (65%) và thấp nhất ở nhóm không có thu nhập hoặc thu nhập từ 1 triệu đồng trở xuống (51,7%).

2. Về các loại rượu bia được ưa thích sử dụng

Rượu nấu thủ công bao gồm cả rượu gạo, rượu ngô hay rượu nấu từ các loại nguyên liệu khác... là loại đồ uống có cồn được “ưa thích” nhất của người dân trong Điều tra khảo sát này. Gần 80% những người hiện đang sử dụng rượu bia cho biết họ sử dụng loại đồ uống này (85,6% ở nam giới và 51,5% ở phụ nữ). Loại đồ uống được sử dụng rộng rãi thứ hai là bia (khoảng 70% người hiện uống). Tỷ lệ người sử dụng rượu mạnh có nhãn mác (có thể là các loại rượu ngoại có nhãn mác hoặc các loại rượu mạnh được các nhà máy trong nước sản xuất) rất ít (7,3%). Có một tỷ lệ nhỏ (khoảng 1,5% - 2,5%) người được điều tra cho biết hiện họ đã từng sử dụng rượu/bia nhập lậu hoặc rượu giả/nhái. Tỷ lệ người sử dụng rượu bia không có nhãn mác cao hơn tỷ lệ người sử dụng rượu bia có nhãn mác (78,7% so với 69,8%).

Phần đông người hiện sử dụng rượu bia có thể uống được nhiều loại rượu bia khác nhau (49,8%). Khoảng 20% những người hiện uống chỉ sử dụng rượu có nhãn mác và cũng khoảng 23% người hiện uống chỉ sử dụng các loại rượu không nhãn mác. Điểm đáng lo ngại là tỷ lệ người dân sử dụng rượu nấu thủ công và tỷ lệ người dân sử dụng các loại rượu không có nhãn mác thương mại cùng với xác nhận tiêu chuẩn chất lượng đi kèm là rất lớn, lên tới gần 80%.

Loại đồ uống được phụ nữ uống nhiều nhất là bia (60,7%). Ngược lại, loại đồ uống được nam giới uống nhiều nhất là rượu nấu thủ công (65,0%), sau đó mới là bia (33,1%). Minh chứng này cho thấy rượu nấu thủ công, rượu do các hộ gia đình tự nấu rất được ưa chuộng trong cộng đồng dân cư ở Việt Nam.

3. Về lượng rượu uống trung bình hàng ngày

Trong số 60% dân số hiện có sử dụng rượu bia, trung bình một ngày một người đã tiêu thụ 14,7g cồn nguyên chất (mặc dù con số trung vị chỉ là 3,7g). Trong đó, 11g/ngày từ các loại rượu bia không nhãn mác và 3,6g/ngày từ các loại rượu có nhãn mác.

Tỷ lệ dân số đã sử dụng rượu bia ở các nhóm tuổi khác nhau không khác biệt nhiều song lượng rượu bia trung bình mà một người sử dụng trong một ngày lại có sự khác biệt lớn theo từng nhóm tuổi. Lượng rượu cồn nguyên chất (100% nồng độ cồn) được sử dụng trung bình trong một ngày tăng dần theo các nhóm tuổi của người sử dụng. Nhóm thanh niên dưới 25 tuổi đã sử dụng lượng ít nhất (7,4g/ngày), tiếp đến là nhóm tuổi 26-35 (12,7g/ngày), nhóm tuổi 36-45 (14,8g/ngày) và 46-55 tuổi (15,5 g/ngày).

Trong tổng lượng rượu cồn nguyên chất được sử dụng trung bình một ngày của một người, 74,8% là từ các loại rượu bia không có nhãn mác. Nhóm tuổi càng lớn, tỷ lệ người dân sử dụng rượu bia không nhãn

mác càng nhiều. Ở nhóm tuổi dưới 25, tỷ lệ này chỉ là 55,4%, sau đó tăng thành 61,4% ở nhóm 26-35 tuổi, tiếp tục tăng thành 72,9% ở nhóm 36-45 tuổi, 82,8% ở nhóm 46-55 tuổi, và 79,7% với nhóm những người trên 56 tuổi.

Nam giới đã tiêu dùng lượng rượu bia trung bình hàng ngày lớn gấp khoảng 6 lần so với phụ nữ. Lượng rượu cồn nguyên chất trung bình tiêu dùng của một nam giới Việt Nam là 17,8g/ngày, trong khi một phụ nữ chỉ tiêu dùng có 2,9g/ngày.

Lượng rượu cồn nguyên chất trung bình tiêu dùng hàng ngày của một người dân sống ở khu vực thành thị không khác biệt nhiều so với một người sống ở khu vực nông thôn (15,6g so với 14,0g). Tuy nhiên, người dân thành thị tiêu dùng lượng rượu cồn có nhãn mác gấp đôi người dân sống ở khu vực nông thôn (5,5g so với 2,4g), ngược lại, người dân sống ở khu vực nông thôn tiêu dùng rượu bia không nhãn mác nhiều hơn (11,6g so với 10,0g).

4. Về mức độ sử dụng rượu bia trung bình hàng ngày

Phân chia lượng rượu bia tiêu dùng theo các mức độ, Điều tra này cho thấy 54,4% người được điều tra thuộc nhóm người uống ít (0-5g/ngày); 30,7% thuộc nhóm người uống vừa (5-24g/ngày); 8,3% thuộc nhóm người uống nhiều (25-48g/ngày), 1,7% thuộc nhóm nghiện và đáng lưu tâm là 5% thuộc nhóm nghiện nặng. Càng lên những độ tuổi cao, mức “uống ít” càng giảm dần, mức “uống vừa”, “uống nhiều” hay “nghiện nặng” càng tăng dần. Phần lớn phụ nữ (88,4%) sử dụng rượu bia ở mức “uống ít” trong khi khoảng gần 46,8% nam giới sử dụng rượu bia ở mức “uống vừa” hoặc “uống nhiều”, 8,0% ở mức “nghiện” hoặc “nghiện nặng”. Không có sự khác biệt nhiều giữa thành thị và nông thôn về phân bố tỷ lệ người sử dụng rượu bia theo các mức độ uống khác nhau.

5. Về sử dụng rượu bia nhãn mác và không nhãn mác

Tính theo lít 100% nồng độ cồn, trung bình trong một năm một người Việt Nam trong Điều tra này đã sử dụng 6,8 lít rượu cồn nguyên chất, trong đó lượng rượu không nhãn mác được tiêu dùng nhiều gấp 3 lần lượng rượu có nhãn mác (tương ứng là 5,1 lít rượu không nhãn mác so với 1,7 lít rượu có nhãn mác). Trong bối cảnh kiểm soát chất lượng rượu không nhãn mác chưa thể thực hiện được, đây là một nguy cơ rất lớn đối với sức khoẻ của người dân.

Lượng rượu tính theo 100% nồng độ cồn được tiêu dùng trung bình của một người trong một năm cao hơn ở các tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk: 9,9 lít/người/năm và Gia Lai: 6,9 lít/người/năm) và các tỉnh ở miền Nam (Bến Tre: 11,6 lít/người/năm; Bình Dương: 9,4 lít/người/năm; Cần Thơ: 7,1 lít/người/năm) so với các tỉnh phía Bắc và miền Trung. Nơi có mức tiêu dùng lượng rượu tính theo lít 100% nồng độ cồn cao nhất ở miền Nam là Bến Tre với mức 11,6 lít/người/năm trong khi đó nơi có mức tiêu dùng lượng rượu tính theo lít 100% nồng độ cồn cao nhất ở miền Bắc là Hà Nội với mức 8,3 lít/người/năm.

Những tỉnh có mức thu nhập bình quân đầu người cao, lượng rượu được tiêu dùng trung bình của một người dân tính theo lít 100% nồng độ cồn cũng cao. Những địa phương nào có lượng rượu 100% nồng độ cồn trung bình được tiêu dùng càng lớn thì lượng rượu không nhãn mác trong đó cũng rất lớn, tỷ trọng giữa rượu không nhãn mác so với rượu nhãn mác được tiêu dùng càng tăng.

Lượng rượu bia có nhãn mác trung bình tính theo lít 100% nồng độ cồn được tiêu dùng cao nhất là ở các đô thị lớn như Khánh Hoà (58,5%), tiếp đến ở Hà Nội (41,0%), Cần Thơ (32,4%). Ngược lại, ở các địa phương như các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, lượng rượu bia không nhãn mác trung bình tính theo lít 100% nồng độ cồn

được tiêu dùng ở mức trên 90% (Bắc Giang, Lào Cai và Bến Tre). Ở các những tỉnh thuộc vùng đồng bằng, không phân biệt mức độ đô thị hoá cao hay thấp mà tỷ lệ tiêu dùng rượu không nhãn mác cũng ở mức trên 80%. Như vậy, có thể thấy mức độ sử dụng rượu không nhãn mác rất phổ biến trong cộng đồng nếu xét theo tỷ lệ người sử dụng. Lượng rượu không nhãn mác được tiêu dùng trong cộng đồng cũng rất lớn.

6. Về lý do sử dụng rượu bia không nhãn mác

Lý do sử dụng rượu tự nấu không có nhãn mác phổ biến nhất được người dân cho biết là do nó rất dễ mua so với các loại rượu bia có nhãn mác thương mại khác. Lý do sử dụng rượu tự nấu không nhãn mác phổ biến thứ hai chính là quan niệm của người dân về loại rượu này. Họ cho rằng đây là loại rượu truyền thống của địa phương nên ưa chuộng và sử dụng. Nhiều người có niềm tin là các loại rượu tự nấu được nấu bởi các gia đình trong địa phương họ đang sinh sống (họ hàng, láng giềng), họ nghĩ rằng như vậy là họ đã biết về nguồn gốc của rượu và vì thế uống rượu tự nấu an toàn hơn so với các loại rượu có nhãn mác, có thể đó lại là rượu giả/nhái. Lý do tiêu dùng quan trọng thứ ba lại chính là lý do kinh tế, nhiều người đã cho biết họ đã uống loại rượu tự nấu, không có nhãn mác vì loại rượu này thường rẻ hơn các loại rượu thương mại chính hãng. Lý do tiêu dùng quan trọng thứ tư mới là quan điểm ưa thích loại rượu này xét về vị giác hay chất lượng rượu. Nhiều người cho rằng rượu tự nấu ngon hơn, có chất lượng hơn các loại rượu thương mại chính hãng hay rượu tự nấu có nồng độ cồn mạnh hơn so với các loại rượu thương mại chính hãng. Một số lý do khác như uống các loại rượu tự nấu, không có nhãn mác vì được đặt sẵn trên bàn tiệc hay được các bạn mời, rủ uống chiếm tỷ lệ không nhiều. Như vậy, có thể thấy việc tiêu dùng rượu tự nấu không nhãn mác của người dân Việt Nam trong cộng đồng hoàn toàn mang tính chủ động, có ý thức. Họ quyết định sử dụng loại rượu này trên cơ sở tiếp cận nó dễ dàng, lợi ích về

giá cả, niềm tin về nguồn gốc, chất lượng (dù niềm tin này còn lệch lạc) và trên cả quan niệm về sự ưa thích.

7. Về ảnh hưởng của sức khỏe cảm nhận tới sử dụng rượu bia

Quan niệm về sức khỏe cảm nhận sẽ tác động tới hành vi tiêu dùng rượu bia của người dân. Nếu người dân cho rằng uống rượu bia mà sức khỏe cảm nhận của họ tốt thì đây là một ảnh hưởng tích cực của sử dụng rượu bia, đồng thời họ có chiều hướng gia tăng mức độ sử dụng. Ngược lại, nếu người dân cho rằng uống rượu bia mà sức khỏe cảm nhận của họ không tốt, họ sẽ dùng hay giảm lượng uống.

Kết quả điều tra cho thấy dưới góc độ cảm nhận tích cực, 43% những người hiện đang sử dụng rượu bia tự đánh giá sức khỏe của họ ở mức tốt hoặc rất tốt song tỷ lệ này chỉ chiếm 37% ở nhóm hiện đang không sử dụng rượu bia và 29% ở nhóm trước đây có sử dụng nhưng đã không còn sử dụng trong năm trước điều tra.

Dưới góc độ cảm nhận tiêu cực, chỉ có 6% người được điều tra trong nhóm hiện đang sử dụng rượu bia cảm nhận họ có sức khỏe kém song tỷ lệ này tăng thành 13% ở nhóm người không sử dụng rượu bia và 24% ở nhóm những người trước đây có sử dụng rượu bia nhưng hiện không sử dụng rượu bia trong năm trước điều tra.

Về sức khỏe tinh thần cảm nhận, các kết quả phân tích cho thấy không có sự khác biệt nhiều giữa tình trạng hiện sử dụng hay không sử dụng tới các mức độ “hoàn toàn thoải mái” hay “không căng thẳng” hay “ít căng thẳng” trong sức khỏe tinh thần. Tuy nhiên, tình trạng không uống hay trước đã uống hiện không còn uống đã khiến cho tỷ lệ người cảm nhận sức khỏe tinh thần ở mức “hoàn toàn thoải mái” hay “không căng thẳng” giảm đi.

Riêng ở các mức độ triệu chứng “căng thẳng” hay “rất căng thẳng”, sự khác biệt không có giữa nhóm hiện đang sử dụng và nhóm không sử dụng rượu bia. Tuy nhiên, tỷ lệ này cao hơn ở nhóm trước đây có sử dụng nhưng không còn sử dụng trong một năm trước Điều tra. Kết quả này cho thấy với mức độ tiêu dùng như hiện nay, uống rượu bia dường như giúp giải toả trạng thái căng thẳng đối với sức khoẻ tinh thần cảm nhận của người dân.

Từ các kết luận được rút ra, một số hàm ý về chính sách quản lý và sử dụng rượu bia quan trọng trong giai đoạn hiện nay nên được xem xét. Cụ thể:

i/ Tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý rượu nấu thủ công và rượu phi nhãn mác

Kết quả điều tra này đã cho thấy rượu nấu thủ công hay còn gọi là rượu tự nấu hiện vẫn được người dân ưa thích sử dụng với nhiều lý do quan trọng là dễ tiếp cận, giá rẻ và quan niệm rượu tự nấu là sản phẩm của địa phương, biết rõ được nguồn gốc. Thực tế, các loại rượu tự nấu hiện nay cũng chính là những loại rượu phi nhãn mác thương mại, không có kiểm soát về chất lượng. Thậm chí quan niệm của người dân về biết rõ nguồn gốc của loại rượu này cũng không hoàn toàn đúng. Nhiều dẫn chứng đã cho thấy việc sử dụng rượu nấu thủ công ở nhiều vùng, nhiều địa phương rất không an toàn, nguy cơ ngộ độc cao. Nhiều rượu giả/nhái chỉ ở dạng cồn công nghiệp pha nước cũng đã lan tràn trên thị trường, được bán tại những quán ăn/quán nhậu nhỏ lẻ (khu vực phi chính thức).

Nhà nước hiện đã ban hành chính sách quản lý và kinh doanh các loại rượu bia trong đó có rượu nấu thủ công và chính sách phát triển các làng nghề nấu rượu (Nghị định 94/2012/NĐ-CP ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2012 về sản xuất và kinh doanh rượu bia; Nghị định 105/2017/NĐ-CP ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2017 về kinh doanh rượu cùng với các Thông tư hướng dẫn đi kèm) nhằm mục đích quản lý các sản phẩm

rượu có nhãn mác, rượu bia nhập khẩu, phát triển các sản phẩm rượu làng nghề truyền thống song cũng quản lý được mức độ lưu thông và chất lượng của các loại rượu này thông qua việc dán nhãn mác. Tuy nhiên, hiệu lực của những chính sách này chưa cao, mới chỉ bao phủ được một lượng nhỏ các loại rượu nấu thủ công ở một số làng nghề nấu rượu truyền thống nổi tiếng. Lượng rượu tự nấu trong cộng đồng dân cư còn rất nhiều song chưa có các biện pháp giám sát.

Các giải pháp quản lý rượu tự nấu nên tiếp tục được nghiên cứu áp dụng. Ví dụ như chính sách yêu cầu các hộ nấu rượu nên đăng ký kinh doanh song không thu thuế (nhằm khuyến khích các hộ đăng ký), các hộ gia đình nấu rượu cần có giấy chứng nhận chất lượng rượu tự nấu do cơ quan y tế cấp.

ii/ Kiểm soát chất lượng của các loại rượu bia, phòng chống các loại rượu bia giả/nhái

Tỷ lệ người dân cho biết họ đã từng sử dụng rượu giả/nhái trong điều tra này không nhiều. Nhiều nghiên cứu khác đã cho thấy rượu giả/nhái cũng lan tràn phổ biến trên thị trường, kể cả rượu giả/nhái các loại rượu có nhãn mác lẫn rượu giả/nhái các loại rượu nấu thủ công. Có lẽ đây cũng chính là nguyên nhân khiến người dân lo sợ mà ưa thích sử dụng rượu tự nấu tại địa phương. Các cơ quan quản lý thị trường (trực thuộc Bộ Công Thương, Bộ Công An) cần tiếp tục đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra phát hiện, xử lý nghiêm, nặng các trường hợp buôn bán rượu giả/nhái. Khung pháp lý cũng cần được xem xét sửa đổi với những mức quy định phạt cao hơn, mang tính răn đe để phòng trừ việc phổ biến, lưu thông rượu giả/nhái trên thị trường.

iii/ Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức của người dân đối với sử dụng rượu bia: “Uống có trách nhiệm”

Hiện lượng rượu bia được sử dụng trung bình của một người Việt Nam là tương đối lớn (gần 60% người được khảo sát sử dụng rượu bia, gần

50% nam giới đang sử dụng rượu bia uống ở mức vừa trở lên và 8% uống ở mức nghiện hoặc nghiện nặng; trung bình một người sử dụng 6g rượu cồn nguyên chất trong một ngày). Trong khi đó, đánh giá về sức khoẻ thể chất cảm nhận, chiếm bộ phận, ưu thế vẫn là cảm nhận chủ quan tích cực (uống rượu vào khoẻ hơn). Đánh giá về sức khoẻ tinh thần cảm nhận, quan niệm uống rượu bia giúp giải toả căng thẳng thần kinh vẫn là phổ biến. Thực tế, đây là nguy cơ đối với sức khoẻ khi sử dụng rượu bia nhiều và lâu dài. Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu cũng đã cung cấp những minh chứng tác hại của sử dụng rượu bia đối với các vấn đề xã hội như tai nạn giao thông, bạo lực và tệ nạn xã hội...

Việc truyền thông nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng rượu bia cần được đẩy mạnh. Các thông tin, kiến thức về mức độ uống, nồng độ cồn, thông tin về chất lượng rượu, phương thức xác định nguồn gốc rượu, tác hại của việc lạm dụng rượu bia, tác hại của sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông cần được chuyển tải tới người dân. Thông điệp “Uống có trách nhiệm” cần được “thấm thấu” vào nhận thức của người dân thông qua nhiều kênh tuyên truyền khác nhau.

TIÊU DÙNG RƯỢU BIA Ở VIỆT NAM

Một số kết quả Điều tra quốc gia

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
Địa chỉ: 207 đường Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Website: <http://nxb.neu.edu.vn> E-mail: nxb@neu.edu.vn
Điện thoại/Fax: (024) 36282486



Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. NGUYỄN ANH TÚ

Giám đốc Nhà xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung:

GS.TS. NGUYỄN THÀNH ĐỘ

Tổng biên tập

Biên tập:

TRỊNH THỊ QUYÊN

Chế bản:

PHẠM VIỆT THÁI

Thiết kế bìa:

NGUYỄN VƯƠNG

Sửa bản in và đọc sách mẫu:

TRỊNH THỊ QUYÊN

In 100 cuốn, khổ 16 × 24 cm tại Công ty TNHH FENNEX, tầng 6, tòa nhà Anh Minh, số 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội.
Địa chỉ sản xuất: số 30 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Mã số đăng ký xuất bản: 732-2018/CXBIPH/3-127/ĐHKQTĐ.

Số Quyết định xuất bản: 256/QĐ-NXBĐHKQTĐ cấp ngày 16/05/2018.

In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2018.

ISBN: 978-604-946-390-7